

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 7: Kết từ

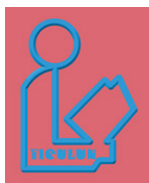


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

Tập 7: Kết từ

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

TẬP 7: PHẦN KẾT TỪ

TÓM LƯỢC

Chương 97: Trở lại An ở Phú Xuân. Ba mẹ con trốn đi không được do biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt trong lễ đăng quang. Các cuộc bàn tán ở trong quán về cuộc bắc tiến diệt xâm lăng. An nghe nhắc đến Bến Ván. Tâm sự của bà chủ quán có con trai và chồng sung quân dẹp giặc.

Chương 98: Mô tả Bến Ván như một vùng đệm vô chính phủ do sự nhường nhịn hoặc né tránh giữa hai anh em Nhạc

Huệ. Gia đình An tạm ổn định ở Bến Ván. An lên về An thái tìm Kiên... Hai anh em gặp nhau. Kiên thuật lại cái chết của Nguyễn Lữ và tình hình dao động của Qui Nhơn. An hỏi anh về tương lai. Kiên thú nhận sự lừa đảo của mình.

Chương 99: Lãng sau chiến thắng Xuân Kỷ Dậu trở về Phú Xuân, dần dần bị đào thải, thành người bất đắc chí. Nếp sống buông thả bất chấp dư luận của Lãng. Lãng sống bám vào một mục góa hồi xuân có nhiều tai tiếng. Tìm xuống chùa Hà trung học kinh Phật, rồi mê phong lan. Niềm hân hoan của Lãng khi đọc bài Chiếu khuyến nông.

Chương 100: Lãng bỏ mục góa trở lại đời sống lang bạt. Bị chính các biện pháp khắc khe trong Chiếu khuyến nông đe dọa. Nhận được tin An. Hai chị em gặp nhau ở Bến Ván. Không chịu đựng nổi

Bến Ván xô bồ, Lãng trở ra Phú xuân.
Lãng tìm quên bằng thú chơi phong lan.
Cuối cùng, Lãng mất tích trong một cuộc
tìm thú mặc lan hiếm có.

Chương 101: Nguyễn Huệ mất (1792). Bến Ván đóng cửa để phòng Qui nhơn. An lấy cớ ra Phú Xuân tìm Lãng, dự đám táng vua Quang Trung một cách vô danh. Trở lại Bến Ván, An bị Phát mắng. Thái (con gái An) có kinh lần đầu. An nói với con gái về sự tiếp nối của đời sống.

Chương 97

Đầu canh tư ngày hai mươi lăm tháng mười một năm ấy (Mậu thân), An thức hai con dậy lên trốn khỏi Phú Xuân.

Đêm hôm trước, An và Lãng nói chuyện với nhau quá khuya. Chờ đến lúc nghe tiếng Lãng ngáy đều, An mới dám sòng ngồi dậy âm thầm mò mẫm thu vén một ít quần áo và tư trang gói vào hai cái tay nải, một cái nặng cho mình, một cái nhỏ và nhẹ hơn cho Phát. Vì không dám thắp đèn, An phải sờ thật lâu lên mặt vải

và tay áo, cổ áo để chọn đúng những bộ áo quần cần thiết cho hai con. Lúc đến chỗ mắc áo ngay đầu giường con bé Thái nằm, An nghe con cựa mình. Chị lo ngại đứng im thật lâu, nghe ngóng. Thái nằm im một lúc, lại ngáy đều. Tiếng ngáy hơi lớn. An yên tâm, sau khi lấy chiếc áo ấm dôi bông của con, quay xuống nhà bếp đong thêm ít gạo. Sau lưng, có tiếng gì thoang thoáng giống như một tiếng nấc nghẹn. An tưởng bé Thái khóc, dừng lại nghe ngóng. Lại hoàn toàn im lặng, trừ tiếng ngáy đều.

Xếp soạn mọi thứ xong xuôi, An mới đánh thức hai con dậy. Chị sờ soạn đến cạnh cái giường gỗ gụ. Tiếng con Thái thì thào:

– Đã đi chưa, mẹ?

An giật mình ngồi xuống mép giường. Thái đã ngồi hẳn dậy. An ôm choàng vai con, sợ Thái nói lớn tiếng. Vai con bé run run. Đưa tay lên sờ khuôn mặt con, chị xót xa thấy mình đoán đúng: con bé đã thức dậy từ lâu và khóc thầm trong bóng tối.

Hai mẹ con ôm nhau ngồi bần thần thật lâu, thật lâu... Chị đã lấy lại đủ bình tĩnh, An nói thầm với con gái:

– Con lên lay anh Phát dậy.

Nhưng kịp nghĩ có thể do vụng về, Thái đánh thức luôn cả cậu Lãng, An hấp tấp nói:

– Thôi con ngồi đây. Để mẹ đi cho.

Thằng Phát ngủ say nên An phải lay thật mạnh mới đánh thức được nó. Chỗ thằng bé nằm lại chỉ cách giường Lãng

không đầy một con sào, nên khi Phát càu nhàu hơi lớn tiếng:

– Chưa sáng mà! Dậy chi sớm vậy!

An vội kể tai nó, nói nhỏ:

– Con xuống bếp, mẹ có chuyện nói.

Phát ngáp dài, chưa chịu bỏ chân xuống khỏi giường:

– Để sáng đã mẹ!

An mất kiên nhẫn, gắt:

– Tao bảo có chuyện cần, nghe không?

Phải mất một lúc lâu, Phát mới hiểu. Ba mẹ con thì thảo dưới bếp bàn nhau làm cách nào để mở then cửa mà khỏi gây tiếng động. Càng về sau, Phát càng hăng hái, hăm hở như sắp được dự một

trò chơi hứng thú và nguy hiểm. Nó đòi mang cho được cái tay nải lớn, sau khi bị An từ chối không giao cho việc nhẹ nhàng khéo léo mở cánh cửa hông.

Ba mẹ con ra khỏi cổng đúng lúc trống cầm canh trong thành báo hiệu bước sang canh tư. An bồn thần đứng thật lâu trước cổng, bịn rịn không muốn dời chân. Thái phải nhắc mẹ bằng cách hỏi nhỏ:

– Con đóng cổng lại, mẹ nhé. Sợ cậu dậy trễ, bọn trẻ rần mắt lén vào vườn hái hết mấy quả ổi chín.

✱

An lo ngại gọi hai con đến nép bên đường khi thấy nhiều đoàn người lũ lượt đổ về phía núi Bân. Trăng hạ huyền mờ mờ nhưng đủ soi lên những lưỡi giáo lấp

lánh trên tầm cao của các bóng đen, mỗi khi họ ra khỏi các bóng tre tối và nhập vào khoảng rộng rãi tràn ắp sương và màu trắng lu. Qua khỏi bờ ngõ ban đầu, An hiểu đó là các toán quân trẩy sớm để tụ họp lại núi Bân dự lễ đăng quang. Lòng An nhói đau, và không biết đây là lần thứ mấy, chị ôm chặt bé Thái vào lòng để tự trấn tĩnh.

Phát bị các đoàn quân cuốn hút, ôm tay nải nặng chạy lúp xúp theo một toán có mang nhiều giáo mác nhất. Nhưng tay nải nặng quá. Mẹ cậu sợ cảnh cơm cao gạo kém, không mua được cái ăn ở dọc đường, nên đã dồn đầy một ruột tượng gạo trắng cho vào tay nải. Đến ngã ba, một bên là lối lên núi Bân, một bên lối vào thành, Phát mệt nhoài, mồ hôi vã ra như tắm. Phát phải dừng lại chờ mẹ và em.

Sợ Thái chế giễu sự yếu đuối của mình, Phát cố hỏi to và chậm để che giấu một nhọc:

– Đi lối nào hở mẹ?

An đoán ngay được nỗi khó nhọc của con, nên hỏi:

– Nặng quá phải không?

Thái không chú ý đến anh, hỏi mẹ:

– Chắc cậu chưa dậy đâu, mẹ nhỉ?

An kéo hai con vào mép đường:

– Tránh vào đây cho quân đi. Vào sâu trong này, Phát. Mẹ đã bảo! Đem luôn tay nải theo. Nghỉ một chút đã. Có nặng lắm không?

Phát không trả lời. Mãi đến lúc ấy, Thái mới chú ý đến cái lưng dầm mồ hôi của anh. Con bé nói:

– Để con mang bớt cho anh Phát.
Kìa mẹ xem, anh ấy mồ hôi mồ kê...

Phát cúi kính, cướp lời em:

– Tại sương đầy chứ. Mà chỉ giỏi
bươi móc chuyện người khác.

An đứng ra giảng hòa:

– Thôi. Con chỉ mang cái ruột tượng
gạo. Đưa tay nải quần áo cho mẹ. Thái
mang cho mẹ cái này nhé. Khi nào mới
thì nói. Lại thêm một đoàn nữa qua.
Không biết quân ở đâu tới mà đông quá.

Phát rụt rè nói:

– Dụ lẽ chắc vui lắm hở mẹ?

Thái lên giọng đàn chị:

– Lẽ lên ngôi của người giết cha mình
mà anh khen vui! Sao lại có người ác đến

thế. “Người ta” hạ lệnh giết cha mình mà có nhú mày do dự chút nào đâu!

An giật mình quay lại nhìn con gái. Thái nhìn mẹ với vẻ căm thù giả vờ và nét nghiêm trang ngây thơ. An chợt dạ hỏi con:

– Đêm qua con ngủ được không?

Thái nói dối:

– Ngủ ngon lắm, mẹ ạ!

– Lúc mẹ nói chuyện với cậu, con đã ngủ chưa?

Thái lúng túng đáp:

– Con mới... con mới thiu thiu thôi, mẹ!

Tim An lại đau nhói. Cổ An nghẹn. Thái mừng tượng hiểu rằng nó vừa nói

điều gì đó khiến mẹ đau lòng, nên lo lắng gọi:

– Mẹ, mẹ sao thế?

Phát nói:

– Mà y lắm lời lắm, không ai ưa. Lại một toán nữa đến kìa mẹ. Hình như đi ngựa thì phải. Đúng là kỵ binh. Mẹ có nghe thấy tiếng vó ngựa không? Không biết chừng sau toán này lại đến toán voi.

Thái vẫn ôm lấy An, thẳng thốt hỏi:

– Mẹ, sao mẹ run thế? Mẹ lạnh phải không? Hay tại con lỡ dại lên nghe chuyện người lớn?

An cúi xuống định an ủi con, và đột nhiên, gương mặt hoảng hốt, giọng nói lo âu của Thái khiến chị nhớ lại cái cảnh chạy trốn của gia đình gần hai mươi năm

năm trước: vẫn cảnh khuya khoắt, vẫn những con đường nhấp nhô chạy giữa các khóm tre, vẫn những chiếc tay nải cột vôi trên tay, vẫn tình cảnh xiêu giạt của một người mẹ yếu và lũ con thơ dại chưa hiểu hết sự nghiệt ngã của đời sống trước mắt và mai sau, vẫn cái nhìn giọng nói lo lắng của một đứa con gái nhỏ bên người mẹ hiền... Chỉ khác một đôi điều: đứa con gái trong cuộc chạy trốn ngày xưa, bây giờ lại làm mẹ, và trong cảnh ty nạn, bây giờ thiếu mất người cha!

An xúc động quá, ôm chặt con và khóc thành tiếng.

✱

Ba mẹ con rẽ theo đường lên núi Bàn, vì nếu đi thêm một đoạn nữa, sẽ

gặp đường thiên lý nối liền Phú Xuân với xứ Quảng. Đêm đã qua canh năm. Trời sáng lờ mờ. An kinh ngạc nhận thấy ngoài đường cái chỉ có quân lính đi lại. Nét mặt râu rĩ và cách ăn mặc nhếch nhác cố ý của An không ngăn được những câu chòng ghẹo của đám lính:

– Mạ nó ơi, đã bảo về sao còn dẫn con theo lên đây làm gì? Không sợ phép quan sao?

– Chị kia, muốn theo chúng tôi đi chém đầu giặc Ngô phỏng? Chán cảnh chồng con rồi phải không?

– Ồi ối, không phải con tôi đâu nhé! Đừng dẫn chúng lên kiện quan đô đốc để tôi mất dịp “biết” gái Bắc Hà. Vu oan giá họa như thế không hay đâu!

– Không phải nó thì chắc chắn là anh

đây rồi! Đúng là hai đứa con anh đây mà! Mắt ấy miệng này, các bác nhìn xem, có phải giống như đúc khuôn không?

Nhiều tiếng cười khoái trá. Một anh lính nói:

– Mũi mày là mũi sư tử. Môi mày vều. Răng lại hô. Gớm, chị ta có mù đâu mà chịu đẻ hai đứa con đẹp như thế cho mày.

Lâu lâu cũng có những lời chòng ghẹo tục tĩu hơn. An cúi mặt xuống mà đi, chờ mãi chưa thấy bớt cảnh quân lính tấp nập. Dân chúng hai bên đường cũng đứng dày trước cửa, bàn tán chỉ trở các toán quân qua lại.

An sợ gặp người quen, nên dẫn con tấp vào một cái quán tranh hơi vắng khách. Vả lại, cả Thái lẫn Phát đều kêu

khát. An hỏi chị chủ quán, một người đàn bà trạc năm mươi, mặt tóp lại dưới mái tóc bạc lưa thưa, mắt kém nên nheo lại khi đến gần đĩa đèn thổi tắt để tiết kiệm dầu:

– Sao hôm nay không thấy bạn hàng đi chợ sớm hử thím?

Chị chủ quán đưa tay bóp tắt cái tim đèn lụn, rồi quay lại đáp:

– Có lệnh cấm đường, cấm chợ từ chiều hôm qua, chị không biết à?

An ngậy thơ hỏi:

– Sao lại cấm đường?

Một người đàn ông ra dáng con buôn đường xa cười lớn rồi bảo:

– Chị này hỏi đến hay! Không thấy quân đi rầm rập sao? Vả lại không cấm thì

cũng không có cái gì để đi. Ghe thuyền, xe, ngựa đều trưng dụng để chở quân. Tôi sống dở chết dở vì hai thúng hàng này. Không biết đến bao giờ mới tìm ra được ngựa thồ!

Một người đàn ông khác, đầu trùm khăn đang ngồi hút thuốc Lào ở góc quán, góp lời:

– Ồi, ăn thua gì hàng với họ! Việc nước lớn tà trời phải lo trước đã chứ. Giặc Ngô mà vào đây, thì liệu bác có giữ được hai thúng hàng không. Nhưng này, bác buôn gì thế?

Khách buôn nọ do dự trước khi trả lời:

- Cũng như chuyển trước thôi!
- Cá muối sư phải không?

– Vâng.

– Có rửa thối đầu mà lo. Sao không đi dò?

– Dò cũng dùng chở quân cả rồi. Tôi gánh lên đây, tưởng thuê được ngựa thồ.

– Nếu tôi là bác, tôi tính gọn, một nháy mắt là xong.

– Tính thế nào?

– Dem biểu cho mấy anh lính sắp ra Bắc diệt giặc Ngô kia kìa.

Người buôn mặ́m ậm ừ, trong lúc cả quán cười vang. Không chịu thua, người buôn mặ́m hỏi người hút thuốc lào:

– Thế chuyến này bác đi đâu?

– Tôi ra đây.

Lại có nhiều tiếng khúc khích:

– Vẫn buôn quế Quảng đấy chứ?

– Thì vẫn quế.

– Sao? Bác đã biểu cho quân sĩ làm thuốc đi đường phòng ngừa cảm mạo, đau bụng chưa?

– Bác khỏi nhắc.

– Tôi ngờ lắm.

– Tôi cũng ngờ.

– Ô hay, ngờ cái gì?

– Ngờ chuyện bác ngờ ấy. Vì bác suy bụng ta ra bụng người.

Không khí có vẻ nghiêm trọng, nên cả quán im lặng lắng tai nghe cuộc đấu khẩu giữa hai bạn buôn. Người buôn mắm bắt đầu xằng giọng:

– Bác không nói cho rõ thì tuyệt tình anh em đó. Bụng tôi ra sao mà bác ngờ?

– Bác tưởng tôi ra đây buôn quế như lần trước phỏng? Bác lầm.

– Thế bác đi đâu? Cái gì bác giấu trong tay nải kia, nếu không phải là mấy thanh quế lậu? Bác tưởng tôi mù hay sao?

– Không. Không phải quế lậu.

– Đến bây giờ mà bác còn muốn lấy vải thưa che mắt thánh. Mấy cái thanh tròn tròn kia không phải quế thì là cái gì?

Người buôn quế cười nhỏ, rồi chậm rãi mở tay nải. An không dần được tò mò, cố nhướn chân nhìn xem cho rõ bác ta sắp trình ra món hàng gì. Cả quán ồ lên kinh ngạc, rồi sợ hãi, khi thấy người buôn quế rút ra mấy cây đao cỡ trung lưỡi bén sáng quắc.

Chị chủ quán lo ngại, lớn tiếng can:

– Thôi thôi, mấy bác đừng gây gỗ to chuyện không hay đâu. Cãi vã nhau rồi bỏ qua đi, phép quan ở đây nghiêm lắm.

Người buôn mắm chùn lại một bước, nhưng sợ mất mặt, quay phân bua với mọi người:

– Bà con làm chứng cho tôi, chính hăn đem dao ra dọa tôi chứ không phải tôi gây sự. Này, anh tưởng tôi sợ anh hả? Thằng này sợ lẽ phải, chứ không sợ gươm dao đâu!

Người buôn quế đặt bó dao lên chõng, điềm tĩnh nói:

– Bác hiểu lầm rồi. Thôi, muốn bác với bà con ở đây khỏi hiểu lầm, tôi đành phải khai xấu cả tổ tông vậy. Không giấu gì bác, trước kia dòng họ nhà tôi xiêu tán

khắp xứ Quảng, làm gì cũng không đủ sống, cuối cùng tập về truông Cát gần Bến Ván để làm cướp đường. Ăn cướp thì phải có đao tốt. Về sau, cha tôi giải nghệ làm ăn lương thiện, nhưng tại tù đường vẫn còn giữ bó đao này lại để làm đồ thờ. Tôi có hai đứa con trai đã sung vào tinh binh từ năm ngoài. Chuyến này tôi mang quế ra cửa Hội, ghé dinh Chàm thì nghe tin đồn giặc Ngô ngấp nghé định xâm lấn Bắc Hà. Tôi nghĩ: thế nào bọn con cháu Lê, Trịnh cũng rước giặc Ngô về. Phải ra kinh đô gấp xem sao. Tôi bán quế giá rẻ cho mau hết, rồi tạt qua nhà lấy bó đao ra đây. Giao bó đao ăn cướp cho hai con diệt cướp, bác thấy không, việc đó hay lắm chứ. Ông bà dưới tuổi vàng phải đặc chí lắm chứ! Biểu quân sĩ bó đao này không quý hơn biểu quế hay sao?

Chị chủ quán thích thú nói:

– Bác phải tìm cho ra hai cậu con trai để trao bó đao thì mới thật hay.

Người buôn quế vui vẻ nói:

– Ấy, tôi cũng định như vậy. Thế nào chốc nữa dự lễ đăng quang tôi cũng tìm ra các con của tôi. Triều đình cũng vừa hạ chiếu quyên góp vũ khí, phải thế không thím?

– Dạ, đúng thế.

An mãi nghe chuyện quên cả nỗi lo riêng. Nhưng lòng chị canh cánh, từ lúc nghe người buôn quế nhắc đến hai tiếng Bến Ván. Bến Ván! Bến Ván! Ranh giới phân chia vùng đất của Bắc Bình vương và Thái Đức hoàng đế, ngăn cách Phú Xuân và An Thái. An bồi hồi nhắc thầm hai tiếng An Thái, nhưng thấy lòng quặn

đau khi nhớ đến Bến Ván. Làm sao qua khỏi con sông khắc nghiệt đó để thoát khỏi cảnh ngộ khắc nghiệt ở trước mắt? Về An Thái làm gì? An chưa hiểu rõ. Có thể chỉ để nhìn lại những dấu tích của một thời, rồi sau đó xót xa hơn. Nhưng An nghĩ phải về. Như lá rụng về cội.

Lúc câu chuyện đã ngã ngũ không còn gì lôi cuốn nữa, mọi người trong quán lại im lặng. An mua cái bánh tráng nướng chia cho hai con, rồi đến gần người buôn quế làm quen để hỏi:

– Chuyến vừa rồi, bác có vào đến Bến Ván không?

Người buôn quế hơi ngỡ ngàng, nhưng cũng vui vẻ đáp:

– Có. Chị cũng biết Bến Ván à?

An không trả lời thẳng câu hỏi, chỉ nói quanh:

– Thừa không ạ. Nhưng tôi có bà con trong Qui Nhơn. Qua lại Bến Ván có dễ dàng không bác?

– Biết cách thì cũng dễ thôi. Cái cách của con nhà buôn chúng tôi đấy mà, chị khắc hiểu.

An đoán có lẽ là bác ta muốn nói đến cách đút lót mua chuộc của bọn con buôn, nên gật đầu. Đôi mắt người buôn quế sáng lên cái tinh ranh của con buôn:

– Nhưng từ năm Đinh vị tới nay (1787), phải trả giá cao quá lắm.

Người buôn quế nhìn quanh, rồi hạ thấp giọng:

– Từ lúc hai anh em đánh nhau, rồi

lấy Bến Ván làm ranh giới, hai bên quan quân hăm hè, gườm nhau như những kẻ thù. Khó lắm. Được lòng bên nọ thì mất lòng bên kia.

An cố hỏi thêm:

– Đường sá từ đây vào Bến Ván có yên không bác?

Người buôn quế trợn mắt hỏi:

– Chị định vào đấy à?

An cố chối:

– Không. Tôi hỏi cho biết. Quê tôi ở phía ngoài này, gần dinh Chàm kia!

– Chị ở Quảng thì còn lạ gì đường đi mà còn hỏi?

An cười che giấu bối rối:

– Lâu quá tôi chưa về quê. Nay định đem hai cháu về cho biết họ biết hàng.

– Ra thế! Chị bắt đầu đi từ đâu? Dinh Chàm nhé! Từ dinh Chàm qua ngã sông Kê thế đến chợ Chiên đàn một ngày. Từ chợ Chiên đàn đến sông Bến Ván một ngày, vị chi hai ngày đường. Ngày đầu đi qua các vùng có nhiều dân cư, đường quan có quán xá nhiều lắm. Nhưng sang hôm sau thì vất vả đấy. Toàn cát và bụi rậm, nhiều đoạn đi sát núi [Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 118, 119.] . Gặp bọn cướp đường là chuyện thường.

Thấy An lo lắng ra mặt, người buôn quế hỏi:

– Chị định vào cả đó hay sao mà lo âu vậy?

An trả lời nước đôi:

– Có thể về Quảng xong, tôi sẽ vào Bến Ván để...

– Để đi buôn phở? Nhiều lãi lắm, nhưng cũng gian nan lắm. Đàn bà con gái không kham nổi đâu. Nếu chị muốn buôn bán thì vào đến chợ Chiên đàn cũng lắm món có thể có lời. Nhất là nguồn Chiên đàn. Vào sâu nữa, thì...

Bác buôn quế nhìn An, ái ngại.

✱

Sau lễ xuất sư, có lẽ để phòng những bất trắc khi đại quân kéo cả ra bắc, biện pháp cấm đường ra vào kinh thành vẫn duy trì tiếp hai ngày. Trong thời gian đó, An và hai con phải ở nhờ tại cái quán tranh vắng khách ấy. Những người lỡ đường bất đắc dĩ cũng trú tại

quán, hôm sau lên tới mười người. Hầu hết là khách đàn ông. Chủ quán cho ba mẹ con An ngủ chung với bà trong căn phòng hẹp phía sau, kề với chỗ đặt bếp. Phát tự nhận mình là “nam nhi” không chịu ở chung với em và mẹ, ban đêm ra ngủ ở gian trước, gần cửa ngăn. Cảnh sống chui rúc chật hẹp có nhiều chung đụng bất tiện mà Thái chưa quen. Nét mặt cô bé dàu dàu, lấm lì khác thường. Vả lại, Thái cũng làm dối với mẹ, vì An mãi chuyện trò với chị chủ quán, quên lưu ý đến con. An nói dối là có chồng làm lính đã ra bắc trước hai ngày vì thuộc toán tiền phong, ba mẹ con bơ vơ phải về tạm quê ngoại bên kia Ngã lĩnh. Thế là chị chủ quán hết cả dè dặt. Chị có hai người con đã vào tinh binh năm trước, ngày đêm luyện tập võ nghệ dưới chân núi Bân. Người chồng già 52 tuổi của chị thì được lệnh nhập lính mới chiều hôm

trước, bỏ lại cho chị mấy liếp đất gieo cải và cái chuồng gà đang làm dở. Ban đêm hai người đàn bà thủ thủ với nhau đủ thứ chuyện, từ chồng con cho đến chuyện chiến tranh. An tò mò hỏi chị chủ quán:

– Chú tuổi già mà còn phải lính, thím có buồn không?

Chị chủ quán đáp:

– Cũng buồn chứ! rồi như sợ An hiểu sai ý mình, chị tiếp:

– Không có đàn ông trong nhà, như... như nhà không có mái vạ. Đàn gà bươi nát hết hai liếp cải mới nhú, tiếc đứt ruột mà làm gì được.

– Còn chú ấy?

– Chị hỏi gì ạ?

An cười:

– Chú xa thím, có buồn không?

Câu hỏi không rõ nghĩa nên chị chủ quán đáp:

– Tôi cũng buồn chứ.

– Không. Tôi hỏi chú có buồn không?

Chị chủ quán cố ý tỏ vẻ ngao ngán:

– Tôi không hiểu nữa. Đàn ông họ sao sao ấy. Hồi sáng chị có nghe ông buồn quế nói chuyện chứ?

– Có ạ.

– Đấy. Đàn ông người nào cũng thế cả. Lúc bình thường thì hiền lành, chăm làm ăn, biết thương yêu vợ con. Nhưng hễ nghe tiếng trống chiêng giục thì như lên cơn vậy. Chị chưa thấy nét mặt ông nhà tôi khi ông cầm được cái cán giáo. Nói thế nào cho đúng nhỉ!

An quên nỗi đau riêng, cố trợn mắt
bậm môi lại hỏi đùa:

– Có phải như thế này không?

Chị chủ quán cười to, chữa lại:

– Không đâu. Chị khéo làm trò. Ông
lớn lên, lúng túng kỳ cục lắm. Chưa bao
giờ tôi thấy ông như vậy cả. Ngày thường
ông nghiêm lắm. Đến nỗi sai lũ con ra
mời ông vào ăn cơm, chúng nó cứ nạnh
hệ nhau, đứa này đùa cho đứa kia. Tôi
nói điều này chị đừng cười (chị chủ quán
cũng bối rối bẽn lễn y như chồng), nét
mặt ông giống y như lúc mới về làm rể.

An bật cười nói:

– Ngày xưa chắc thím đẹp lắm, nên
chú mới mất hết bình tĩnh như vậy.

Chị chủ quán mỉm cười, mắt mơ

màng. An biết mình đã gọi lại cho chị kỷ niệm đẹp nhất của một đời, kỷ niệm đủ sức đánh đổi những năm tháng khổ nhọc, lam lũ chịu đựng về sau. Chị chủ quán vuốt lại mái tóc bạc, nói nhỏ:

– Vâng. Hồi đó tóc tôi mượt và dài. Ông còn khen hai con mắt của tôi giống như hai hạt nhãn. Nhưng... chuyện đó xưa rồi.

An nghe chị chủ quán thở dài. An chuyển câu chuyện:

– Chú sức yếu, chịu đựng nổi đời lính không? Tôi sợ không theo nổi bọn trẻ.

Chị chủ quán đáp:

– Vâng. Hơn năm mươi rồi còn gì. Nhưng...

Chị ta dừng lại, dường như không biết diễn tả thế nào cho đúng ý. An kiên nhẫn đợi. Một lúc, chị ta nói:

– Bảo tôi lo lắng, thì đúng là có lo. Nhưng sợ thì không. Ở đây hàng quán, thường ngày lính tráng đi về núi Bà luyện tập vẫn ghé đây. Hai con trai tôi cũng đi tinh binh. Tôi nghe họ bàn với nhau, nên cũng biết là nhà vua cầm quân giỏi lắm. Trăm trận trăm thắng. Nghe nhà vua đích thân cầm quân chuyến này, tôi yên tâm.

Nếu không kịp nhớ đến cảnh góa bụa của mình, An đã chụp lấy cánh tay chị chủ quán lắc lắc để tỏ vẻ thông cảm và biết ơn. Da mặt An hồng lên, nụ cười bên lên gượng gạo. Chị chủ quán ngỡ ngác không hiểu nổi An, cứ nghĩ mình vừa nói điều gì ngây ngô.

Sáng hôm sau, có lệnh mở đường. An sợ gặp Lãng hay những người quen biết, nên theo một đoàn ngựa thồ rời Phú Xuân từ sáng sớm. Cái sắc đẹp đoan chính sảo muộn của chị giúp chị đỡ nhọc nhằn suốt cuộc hành trình. Những người đi buôn bằng ngựa thồ, bằng lòng cho An gửi mấy cái tay nải vào các giỏ hàng rỗng. Đến quán Trà, họ lại chịu cho Phát và Thái cưỡi lên ngựa cho đỡ mỏi chân. Nhờ thế, ngày đầu tiên, ba mẹ con đến được quán Tuần ải.

Tối hôm sau, đến Thanh Khê. Thêm một ngày đường nữa, đoàn ngựa thồ dừng lại ở dinh Chàm để hôm sau ra cửa Hội. An cảm ơn lòng tốt của họ, tìm nơi cho các con nghỉ ngơi một ngày rồi tiếp tục về phương nam. Phải, về phương nam, vì cho đến lúc ấy, An chỉ mới định

được hướng đi. Chưa định được nơi phải đến. Chị không thể biết rõ phải về đâu.

Về An Thái, đó là ước vọng thầm kín của chị. Ba ngôi mộ của người thân yêu (mộ ông giáo ở Bằng Châu, mộ mẹ ở An Thái, và mộ Chinh) đang chờ chị về đốt một nén nhang, rửa những giọt nước mắt và cất tiếng khóc bi thiết. Có thể Kiên đang ở đâu đó, quanh quất Qui Nhơn hay An Thái và chị có thể nương tựa. Còn có cây gạo ở bến sông, có nền nhà học, thậm chí có những thứ nhỏ mọn đã từng chứng kiến quãng đời hoa niên đẹp đẽ của chị như một hòn đá xanh trước ngõ Hai Nhiều, lớp tro vương vãi trên chỗ xưa kia là nhà bếp, mảnh nẹp cau của hàng rào từng bị Chinh phá đạo ấy...

Làm sao An dám nói bao điều u ẩn ấy thành lời. Về An Thái! Có thể được nữa không? An biết rõ An Thái đã thuộc

hắn về một thế giới khác. Về đó cũng khó như là đi ngược từ cái tuổi già cõi chán chường này về lại tuổi thơ. Nhưng không về đó thì về đâu? Câu hỏi đó khiến chị chùn chân. Cho nên từ dinh Chàm, ba mẹ con xuôi nam chậm chạp hẳn lại.

Một ngày mới đến quán Hà lam. Ba ngày mới đến quán ông Bộ. Càng vào sâu phía trong, đường sá càng hoang vu đúng như lời người buôn quế. Cồn cát này tiếp nối cồn cát kia. Đất đai trắng đã tro trụi những bụi gai thấp lá nhỏ và úa. Những đoạn chạy gần chân núi, đường sá càng hiu quạnh hơn. Đến sông Bến Ván thì ba mẹ con gần như kiệt sức. Nếu không có phép nước nghiêm cấm qua lại ranh giới hai miền đất đang ngờ vực nhau, An và hai con cũng không thể đủ sức cất nổi bước qua cầu Bến Ván. Giới hạn của thân xác, giới hạn của quyền lực

tự nhiên buộc họ dừng lại đó. Bến Ván trở thành nơi đến của ba mẹ con¹.

¹ Tên các trạm đường dựa theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 117.

Chương 98

Nơi ban đầu An tưởng là đất chết, thật ra là đất sống!

Vùng đất cằn cỗi hiu quạnh chỉ toàn cát và những bụi gai trơ trụi dưới nắng lửa, nơi không thể nuôi sống con người, nơi Trời dành riêng làm chỗ chém giết sát phạt nhau đó hình như chỉ được biết đến vì những tai ương và máu vô tội. Máu của dân hiền lương và bọn khách buôn bị cướp ở suốt truông Cát. Máu của binh triều và quân Tây Sơn đổ ra trong trận đánh ác liệt năm Giáp Tị (1773) (Mầm

bị tử trận trong trận này, xác bị quân triều vùi xuống dưới một bụi gai sau khi hốt tai, xẻo mũi, băm vằm thân thể đến nát bấy). Máu của binh sĩ Qui Nhơn và Phú Xuân trong các cuộc lưu huyết lẻ tẻ ở ranh giới vì những cái cơ nhỏ nhặt từ năm Đinh Vị (1787) đến nay (năm kết thúc cuộc chiến tranh nổi da xáo thịt giữa hai anh em Nhạc, Huệ, bằng thỏa ước lấy Bến Ván làm ranh giới phân chia hai vùng cai trị).

Nhưng sau khi vua Quang Trung đại thắng quân Thanh và bắt đầu cho áp dụng những biện pháp ổn định kinh tế và trị an, nhất là sau khi tờ Chiếu khuyến nông² được ban bố và thi hành triệt để, Bến Ván trở thành chỗ trú cho nhiều thành phần sống ngoài vòng pháp luật và bọn vô lại.

2 Xem Chiếu Khuyến nông. Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm, tập 2, trang 119.

Vua Thái Đức thấy rõ hơn ai hết uy lực của người em tài ba, của người anh hùng vừa ghi thêm cái công đánh đuổi quân xâm lăng để cứu quốc, của chú em út cứng đầu nhiều tham vọng sau khi đại thắng quân Thanh đang muốn tiến quân về phía nam để thống nhất đất nước, nên hạ lệnh rút bớt số quân phòng thủ ở Bến Ván để tránh các vụ va chạm bất lợi. Nhà vua không muốn các vụ xung đột lâu nay vẫn thường xảy ra ở Bến Ván giữa hai phe trở thành cái cớ cho “chú Tám Thơm” xua quân uy hiếp Qui Nhơn.

Ngược lại, vua Quang Trung cũng ra lệnh rút toán quân đóng bên này cầu về chợ Cầu Ông Bộ, cách Bến Ván gần nửa ngày đường để tỏ ý nhường nhịn. Nguyễn Huệ cũng hiểu rõ hơn ai hết tính đa nghi của vua anh, nên muốn có hành động cụ thể để trấn an Qui Nhơn.

Bến Ván trở thành vùng đất vô luật pháp, cái độm êm ái cho bọn buôn lậu, bọn trộm cướp, những người sắp thành nạn nhân của ông vua già đa nghi, những dân quen sống lưu tán đã làm giàu nhờ chiến tranh không muốn hồi cư cầm cuốc cầm cày theo biện pháp cương quyết của Chiêu khuyến nông.

Từ vài hàng quà bán nước trà tươi, vài trái ổi rừng, đôi ba quả chuối héo dành bán cho những người lính nghèo, chẳng bao lâu biến thành một khu chợ đông đúc. Hàng hóa thượng vàng hạ cám thứ gì cũng có, kể cả những hàng Tàu đem từ cửa Hội vào để cung phụng cho gia đình các quan lớn trong Qui Nhơn. Có nhiều thứ hàng đắt tiền như sa, đoạn, nhung, quạt giấy, đèn lồng, đồ sứ, đồ đồng... giá còn rẻ hơn ở cửa Hội, vì các thuyền buôn Quảng Đông đổ hàng lậu lên cửa

Hợp hòa để tránh thuế của Tàu vụ. Hàng quán mọc lên như nấm trên nền cát cháy nắng. Ban đầu chỉ là những cái chòi lá xiêu vẹo tạm bợ. Về sau mái tranh liếp nửa đàng hoàng. Từ chợ lập nên phố, dù là phố tranh. Dần dà có hẳn một thứ tổ chức công quyền riêng, do thỏa hiệp giữa bọn con buôn và các nhóm vô lại.

An vừa ngỡ ngàng vừa mừng rỡ chứng kiến cuộc đổi lột kỳ lạ của Bến Ván, lòng thâm cảm ơn Trời xanh đã mở cho mình một sinh lộ. Chị mở một quán cơm ở ngay chợ. Với số vốn mang theo, An mau chóng khuếch trương cơ sở làm ăn, bỏ nghề bán cơm quá sức nhọc nhằn để trở thành người buôn bán tạp hóa. Rồi trở thành một người chuyên trữ hàng Tàu. Nửa năm sau ngày dất dúi con cái đến Bến Ván, An trở thành một

người khá giả của vùng đất lộn xộn phức tạp này.

✱

Làm sao một góa phụ ba mươi bảy tuổi yếu ớt cùng hai đứa con nhỏ dại có thể sống yên ổn giữa đám vô lại ấy suốt nửa năm trời?

An cũng đã tự hỏi như vậy. Trôi giạt về Bến Ván, không qua được bên kia sông để về chỗ mơ ước, chị phải dừng lại. Phải sống. Che một cái chòi lá để mở quán cơm, việc đó gần tầm tay của An nhất. Bọn lưu manh liều lĩnh và hiếu sắc chung quanh An không thiếu. Chút nhan sắc chưa kịp tàn tạ, cộng với vẻ đoan chính sâu muện có một sức cuốn hút mạnh mẽ đối với bọn đàn ông ở Bến Ván, kể cả

những tay vô học thô bạo chuyên nghề trộm cướp và khuân vác hàng lậu. Quán cơm của An đông khách hơn nơi khác. An vừa mừng vừa hồi hộp lo ngại, nhất là những đêm không làm cách nào đuổi được bọn đàn ông lân la tìm cơ ngồi dai, không chịu ra về. An không bán rượu. Họ mua rượu ở nơi khác đến uống sau bữa cơm. Đã có nhiều tay giả say lè nhè những lời sàm sỡ. Bé Thái sợ quá, thì thảo bảo mẹ nên tìm cách dời đi chỗ khác. An còn dùng dằng chưa biết tính thế nào thì không biết từ đâu, có lẽ từ những con buôn cửa Hội, cả Bến Ván xì xầm với nhau về gốc tích ba mẹ con An.

Vài khách buôn đường dài chạy hàng Tàu vô ra cửa Hội, Bến Ván trước kia có biết Lợi. Rồi những câu chuyện tô vẽ thêm về mối tình giữa cô con gái ông giáo Hiến với người học trò xuất sắc nhất

của ông – những câu chuyện Lợi loan truyền khắp nơi để làm thế dựa mặc cả – mau chóng trở thành đề tài hấp dẫn lúc rảnh rỗi. Mọi người nhìn mẹ con An với đôi mắt khác hẳn. Thái độ của họ, kể cả bọn vô lại, trở nên phức tạp. Một đảng họ thấy ba mẹ con An gần gũi với họ vì cùng thuộc vào hạng sa cơ lỡ vận, hạng không tìm được chỗ nào dung thân nên tụ về miền đất vô pháp luật này sống qua thời.

Nhưng địa vị của ông giáo Hiến, thanh thế của Lợi, nhất là mối liên hệ tình cảm giữa vị hoàng đế lấy lòng và góa phụ ốm yếu này, kể cả cách đi đứng ăn nói của An, tất cả những yếu tố đó khiến họ tự cảm thấy hãnh diện khi được An dọn cho bữa ăn, Thái rót nước trà đem đến mời sau bữa, Phát nhắc ghế cho ngồi. Từ đó không còn cảnh say rượu,

ăn quít, không còn những cái nhìn sỗ sàng, những lời sàm sỡ. Bọn con buôn giàu có dĩ nhiên ít mặc cảm hơn đám vô lại. Nhưng là những con buôn, họ hiểu rõ rằng việc làm ăn phát đạt hiện tại ở Bến Ván chỉ là cơ hội bấp bênh, không thể lâu dài.

Khi Phú Xuân hay Qui Nhơn hết nhường nhịn, hoặc hết né tránh nhau, tất nhiên Bến Ván mau chóng trở thành vùng đất không người. Họ chụp giựt mỗi lợi trước mắt, và khôn ngoan tránh bị lụy vì Phú Xuân hay Qui Nhơn. Chạm vào gia đình mẹ con An là đã chạm đến có thể là lòng tự ái, có thể là danh dự của vị hoàng đế lấy lòng từ nam ra bắc. Bọn con buôn nghĩ vậy.

Nhờ thế, An buôn bán trong sự an toàn. Gần như chỉ được cả khách mua lẫn khách bán chiều chuộng. Tuy vậy,

lòng An không lúc nào yên. Thằng Phát dễ hư quá. Cái tính hiếu thắng, ương ngạnh, nóng nảy, ưa những điều hời hợt bề ngoài, cộng thêm cái thói mê xóc đĩa mới nhiễm, khiến thằng bé mau chóng trở thành một tên vô lại nhỏ. Nó bắt chước hết tật xấu của bọn lưu manh, từ cách ăn nói, đi đứng. Phát ăn cắp tiền của mẹ, trả công cho bọn trộm cướp chuyên nghiệp dạy võ, lén lấy hàng của mẹ bán lấy tiền đãi chúng rượu thịt. An bơ vơ giữa một đám người xa lạ, đau xót thấy con hư đốn. Cuộc sống chup giựt bấp bênh làm An chóng mặt, lúc nào cũng hồi hộp lo sợ. Phải tìm một chỗ dựa vững chắc hơn! Dựa vào đâu? Cái ý về An Thái cứ lớn vồn trong đầu An. Về được không? Sao không về?

Tháng bảy năm đó, An gửi hai con và nhà cửa cho một người bạn buôn đáng

tin cậy, một mình tìm cách vượt sông Bến Ván về Qui Nhơn.

✱

Khỏi cần phải kể lại những phí tổn lớn lao và nỗi nhọc nhằn của An trên đường vô nam. Đến Qui Nhơn, An tìm ngay đến cái quán cũ của anh gần bến tắm ngựa. Như An lo lắng từ trước, căn nhà đã đổi chủ. Cái chái tranh trước đây Kiên cất thêm để làm quán rượu đã bị dỡ đi, khung cảnh căn nhà đổi khác hẳn. An do dự, băn khoăn, không hiểu có đúng đây là nhà của Kiên không? Thằng bé trạc mười tuổi thấy có người lạ lảng vảng phía trước rào, e dè đứng chặn ngay cửa nói lớn:

– Không có ai ở nhà cả. Không có gì để cho đâu. Đi đi!

An nhìn lại quần áo mình. Chị giật mình nhận thấy mình ăn mặc nhếch nhác tiêu tụy quá. Bụi đường bám lên bộ quần áo đen và mặt mũi, không trách thằng bé lăm An là một người ăn mày. An ngoắc thằng bé ra hỏi:

– Cho chị hỏi thăm. Có phải đây là nhà ông Kiên không?

Thằng bé vẫn đứng ở ngạch cửa, hỏi trống:

– Ông nào?

– Ông Kiên. Ông Kiên trước đây làm...

An ngập ngừng, không biết nói cho đúng trước đây Kiên làm gì. Thằng bé càng thêm nghi ngờ, nói xằng:

– Đừng bày đặt chuyện để lấy cắp đồ người ta. Đi đi, tôi gọi lính bắt bây giờ!

Một cụ già hiện ra ở chái tây, nơi có lối ra vườn. An mừng rỡ hỏi lớn:

– Thừa cụ, cho cháu hỏi thăm một chút. Anh Kiên anh cháu có còn ở đây không?

Ông lão chống gậy ra gần cổng, nheo mắt nhìn khắp người An một chặp, mới hỏi:

– Cô là gì của... của Đức Thầy?

An kinh ngạc hỏi lại:

– Đức Thầy nào ạ?

– Cô vừa hỏi nhà ông Kiên phải không?

An hấp tấp đáp, mừng đến líu lưỡi:

– Quả thế. Cụ cũng biết anh Kiên cháu, phải không ạ!

Ông lão chậm rãi nói:

– Vâng. Nhưng Đức Thầy đã về An Thái từ lâu rồi.

– Cụ vừa nói Đức Thầy. Nhưng cháu muốn hỏi nơi anh Kiên cháu...

Ông lão cắt lời An:

– Ở đây không ai dám gọi tên tục Đức Thầy như cô đâu. Mà cô có đúng là người nhà của Đức Thầy không?

– Vâng, đúng ạ. Cháu là...

– Người nhà sao không biết Đức Thầy ở An Thái mà còn đến đây hỏi thăm.

An mừng cho anh, mừng cho mình, giọng nói vui hẳn lên:

– Mấy năm nay, anh em cháu ở xa nhau. Cháu vừa từ Bến Ván vào.

Ông lão giật mình, ngược lên chăm chăm nhìn An dò xét:

– Cô vừa nói gì thế?

– Cháu vừa nói từ Bến Ván vào. Lâu nay cháu ở tận Phú Xuân...

Ông lão đổi ngay thái độ. Với nét mặt nghiêm khắc, giọng nói xẵng, ông bảo An:

– Thôi, cô đi đi. Lão phải làm vườn, không có thì giờ tiếp chuyện với cô nữa.

An chưa hết ngỡ ngàng thì ông lão đã quay ngoắt vào phía trong. An thất thểu quay ra đường, không hiểu vì sao đột nhiên ông lão thay đổi thái độ như vậy. Nhưng lòng An nhen nhúm một niềm vui nhỏ: An đã biết Kiên được mọi người trọng vọng và hiện đang ở An Thái.

Lội qua khỏi bến tắm ngựa, An chùn bước ở chỗ ngã ba. Chị xấu hổ tự hứa thế nào vòng trở về cũng phải mua đủ nhang đèn để lạy trước mộ cha, rồi mới đủ an tâm rẽ về phía tay trái, đường dẫn lên Thiết Tràng và An Thái.

An cũng ngập ngừng chân bước y như vậy trước một ngã ba khác: trước mặt chị, tay phải là lối dẫn về khu vườn nhà Hai Nhiều, tay trái là đường ra gò Miếu. Trên đường đi, chị gặp nhiều người sang có, hèn có cùng lên An Thái để xin gặp Đức Thầy. An biết thêm Kiên đã mở am tại gò Miếu, và khách thập phương lũ lượt đổ về đây để xin Đức Thầy hoặc một lá bùa hộ mệnh, hoặc một lời tiên tri.

Bấy giờ đã bắt đầu mùa mưa. Con đường đất dẫn lên gò Miếu được mở

rộng hơn trước. Thời mấy cha con ông giáo Hiến còn đi đi về về để làm mấy đám ruộng miếu, con đường này chỉ là một bờ ruộng hẹp không quá một thước mộc. Ngày nay, người ta đã mở rộng thêm nhiều. Mưa đầu mùa làm nhão mặt đất sét; mặt đất lầy lội in nhiều dấu chân ngựa và dấu bánh xe gỗ. Ngay từ ngã ba đã có vài chòi tranh cất tạm, ở đó người ta bán vàng hương, cỏ ngựa và mỗi lần có một chiếc xe hoặc một người khách cưỡi ngựa từ Qui Nhơn lên, từng đàn trẻ con mặt mũi nhem nhuốc, bùn dính đến tận đầu gối, mặc áo toi lá chạy đến tranh nhau xin được giữ xe, cho ngựa uống nước để lấy công.

An được biết các quan lớn trong triều, nhất là các phu nhân, vẫn thường lên tận đây để xin bùa. Đức Thầy tiếp tất cả mọi người, không phân biệt sang hèn,

ai đến trước vào trước, nên nhiều gia đình vọng tộc dưới Hoàng đế thành đã phải châu chực cả ngày dưới cơn mưa dữ mới đến phiên mình. Chị bán thóc ngựa ở chỗ ngã ba nói với An như vậy, với nét mặt hả hê. Và An lại thêm băn khoăn, bối rối, vừa vui mừng vừa ngao ngán cho ông anh cả.

Tất nhiên An sợ phải gặp Kiên ngay. Sợ điều gì? Chị không rõ. Cho nên khi chị bán thóc mách riêng cho An biết cách đút tiền cho người đệ tử ruột của Đức Thầy (người có trách nhiệm hướng dẫn khách từ cổng vào am để gặp Đức Thầy), tránh khỏi mất công chờ đợi, An vẫn âm ừ cho qua. Chị bán thóc tưởng An tiếc tiền, khấn khoản hứa chỉ nhận công môi giới có nửa quan tiền thôi. An thản nhiên cho chị ta nửa quan tiền, rồi lạng lẽ bỏ đi.

Chị phải chờ đến chạng vạng tối mới đến lượt mình. Lòng chị nôn nao, phần vì sợ vu vơ, phần vì nhịn đói từ sáng. Cảnh vật trước mắt chị đều lơ mờ, chao đi chao lại như những ảo ảnh. Chị không nhận ra được cảnh cũ của gò Miếu, vì chung quanh gò đã có một vòng rào tre cao quá tầm mắt. Qua khỏi cổng, An nhận ra được mấy cây mít cỗi. Hai căn nhà lá mái khá rộng được dựng hai bên cái miếu cũ, nhiều đệ tử râu tóc để mọc dài mặc áo trắng vào ra nhộn nhịp. Am chính của Đức Thầy vẫn là cái miếu xưa kia thờ người bị cùi. Mưa rả rích mát hút trong khoảng trời hẹp ngập đầy khói hương và những tiếng thì thảo thành kính. An cảm thấy nhỏ lại, lòng hoang mang như đang lạc vào một vùng mù sương xa lạ và bất trắc không tìm được lối về.

✱

Hai anh em nhìn nhau mà không nhận ra nhau!

An ray rút ái ngại tự hỏi thăm:

– Anh ấy đây sao? Có đúng anh ấy không?

Khói hương trong am dày đặc hơn bên ngoài. An cảm thấy ngọt thở. Đức Thầy mặc quần áo trắng y như các đệ tử, ngồi theo lối kiết già trên một tấm bồ đoàn bằng lát nhuộm đỏ. An ghi nhận ngay ra mái tóc và chùm râu dài sớm bạc của anh. Trước mặt Kiên đặt một cái khay đồng, phía trên có hai cái đĩa sứ một lớn một nhỏ. Đĩa nhỏ ở gần Kiên đựng mấy miếng cau và trầu còn xếp y nguyên theo vòng đĩa. Đĩa lớn đựng vài nén bạc và nhiều... rất nhiều quan tiền kẽm. An

nhìn trôn lên cái đĩa lớn, rồi ngược lên tìm đôi mắt Kiên. Chị xót xa nghĩ thầm:

– Anh ấy chưa nhận ra mình. Có đúng anh ấy không?

Đúng là Kiên. An không thể nhầm lẫn được. Vẫn khuôn mặt ấy, cái mũi ấy, hàm răng thưa và vành tai hơi cong về phía trước ấy. Chỉ khác màu râu tóc và... và gì nữa... Phải, có cái gì nữa biến đổi toàn diện đến nỗi An ngỡ vị đạo sĩ ngồi đây không phải là anh mình.

Đức Thầy nhìn An một cách ơ hờ, mắt hơi lim dim. An có cảm tưởng Kiên chờ đợi cái gì đó. Có tiếng cánh cửa am kêu kéo kẹt. Người đệ tử đứng tuổi vừa dẫn An vào trở lại. Đức Thầy ngược lên nhìn An ngơ ngác, rồi quay hỏi đệ tử:

– Khách ngoài đó còn nhiều không?

Người đệ tử lễ phép đáp:

– Bẩm Đức Thầy, còn mấy chị nhà quê bên An Vinh thôi!

Giọng Đức Thầy hơi gắt:

– Mấy tức là bao nhiêu?

– Dạ khoảng năm, sáu người.

– Sao lại khoảng, không đếm kỹ làm sao biết nhiều hay ít hơn hôm qua.

Người đệ tử chỉ dạ nhỏ để tỏ ý hối lỗi, rón rén đến gần cái khay đồng cúi xuống bưng cái đĩa lớn đổ tất cả tiền bạc vào một cái bọc vải điều. An theo dõi tỉ mỉ các động tác của người đệ tử, nhớ lời chị hàng thóc ngoài ngã ba...

Rồi An nhìn vào đôi mắt Kiên. Chính lúc đó, chị mới nhận ra ánh mắt anh đã thay đổi hẳn. Trước kia, cái nhìn của

Kiên thường phảng phất vẻ hiu buồn, thụ động cam chịu. Bây giờ, đôi mắt ấy trở nên lạnh lợi, gần như đóng đũa bất trắc. Đức Thầy nhìn An soi mói, mày hơi nhíu lại. Người đệ tử ra khỏi cửa am. An lấy bạo, mím môi lấy hơi để trấn tĩnh, rồi mới run run hỏi:

– Anh không nhận ra em sao?

Kiên đang đẩy cái khay đồng lại gần An, giật mình ngược lên, ánh mắt còn nguyên vẻ thẳng thốt. An đau đớn đến phát khóc, giọng nói đã đầm nước mắt:

– Anh không nhận ra em thực ư? Em đây mà. Em là An của anh đây.

An đưa ống tay áo lên quệt nước mắt. Chị ngửi thấy mùi mồ hôi đậm và mùi bùn. Tiếng Kiên nói, chậm và điềm tĩnh:

– Em về hồi nào?

An vội ngược lên. Ánh mắt Kiên hơi dịu lại, tuy còn phảng phất vẻ cau có. An hấp tấp đáp:

– Em ghé lại chỗ bến tắm ngựa. Cụ chủ nhà chỉ cho em lên đây. Em phải chờ từ sáng.

Rồi để xóa bớt cái không khí nặng nề giữa hai anh em, An cố lấy giọng vui vẻ nói:

– Anh biết không, lúc nghe cụ già kính cẩn nhắc đến Đức Thầy, em không ngờ đó là anh. Vậy mà suốt mấy năm vắng tin anh, tụi em cứ tưởng anh còn mắc vòng lao lý. Tụi em cứ ân hận vì đã trốn ra Phú Xuân mà anh phải chịu ngò vức, tai họa...

– Chú ấy bị giết lúc nào?

Giọng nói lạnh lẽo đều đều của Kiên như một gáo nước lạnh dội vào đầu An. An ngửng lên, hụt hẫng và hoang mang, chị thấy Kiên ngồi bất động, mắt lim dim như một pho tượng. Chị hồi hận đã bị xúc cảm lôi cuốn đi quá xa. An trở nên bình tĩnh hơn, đáp thật chậm:

– Nhà em bị giết ba hôm trước lễ đăng quang.

Từ đó về sau, An cúi xuống đối đáp với anh. Chị sợ không dám nhìn rõ thái độ ơ hờ của anh. Phần Kiên, chỉ hỏi em gái những câu hỏi ngắn:

– Em không cầu xin tha mạng cho chú ấy ư?

– Có, nhưng... (An nghen một lúc, mới nói tiếp)... anh hay tin lúc nào?

– Ngay sau đó.

– Ai cho anh hay tin?

– Khắp Qui Nhơn đều biết. Vì sao, em biết không?

– Sao ạ?

– Nhà vua mừng rỡ khi bắt được tin ấy.

– Nhà vua căm giận nhà em đến thế sao?

– Không.

Kiên ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi nói:

– Nhà vua căm ai, em biết rồi. Thôi đủ cách bêu riếu: nào vặt chanh bỏ vỏ, nào giết chồng đoạt vợ, nào gian dâm vô độ...

An hỡi hùng kê lên:

– Trời ơi, người ta dám...

Kiên cắt lời em:

– Em được phép vào tận đây ư?

An ngạc nhiên hỏi:

– Phép gì ạ?

– Phép nước chứ phép gì! Em đã dọn vào ở cung nội chứ?

An hiểu Kiên muốn nói gì. Chị tức đến nổi giọng nói trở nên ghen ngào:

– Anh mà cũng nghĩ như thế sao! Mẹ con em phải trốn khỏi Phú Xuân ngay hôm xuất sư.

Xúc động quá, An mếu máo khóc:

– Gần một năm nay, mẹ con em phải buôn bán lần hồi để kiếm sống. Còn về đây thăm anh là may mắn quá. Em tưởng ba mẹ con em chết rấp ở Bến Ván từ lâu rồi.

Kiên hơi mở lớn đôi mắt nhìn em, rồi nói nhỏ:

– Bến Ván?... ờ, Bến Ván!

Hai anh em im lặng khá lâu, không ai dám nhìn ai. An cảm thấy ray rứt nếu giữ mãi im lặng, vẫn cúi mặt hỏi Kiên:

– Chị và các cháu ra sao hở anh?

Kiên đáp gọn:

– Thất lạc tù đạo đó.

– Tù hồi nào?

– Ra tù, anh về nhà không thấy họ nữa.

– Anh không tìm ư?

– Biết đâu mà tìm. Vả lại...

Kiên không nói tiếp. An hỏi nhỏ:

– Sao ạ?

– Không.

Lại có tiếng cửa am kéo kẹt. Người đệ tử đứng ở chỗ cánh cửa hé, hỏi vào:

– Bẩm Đức Thầy, sắp tối rồi. Cho họ về hay cố giữ họ nán lại chờ?

Kiên ngáp ngừng hết nhìn An lại nhìn ra cửa, hỏi:

– Còn mấy người?

– Bẩm hai bà già đã về, dặn xin vào trước sáng mai. Chỉ còn ba người thôi.

Kiên dứt khoát hơn:

– Hẹn họ mai trở vô.

Cửa am khép kín như cũ. An muốn tránh những điều đau lòng, ngẩng lên nhìn thẳng vào anh bạo dạn hỏi:

– Em không hiểu anh đã làm gì mà được thiên hạ tôn kính và tin tưởng như vậy. Từ Thiết tràng lên đây, em chỉ gặp toàn những người lên xin quẻ Đức Thầy. Lam lũ rách rưới mo cau gói cơm hầm muối hột cũng có. Mà hạng sang trọng đi ngựa đi xe lên tận ngã ba cũng không ít. Em kinh ngạc quá. Có ai dám ngờ cái gò Miếu hiu quanh lở loi này trở nên một linh địa như thế. Anh có nhớ cái thời nhà ta ra đây khai phá mấy đám ruộng miếu không? Cả chuyện thằng Lãng dám một mình ra đây ban đêm nữa. Rồi những đêm canh lúa bên con cúi rơm ngún lửa! Chao ôi, bao nhiêu vật đổi sao dời. Khó mà tin được!

An nói say sưa, trước mắt hình ảnh Kiên mờ nhạt, lung linh. Lúc dừng lại, An vui mừng nhận thấy Kiên đang mỉm cười, giờ hai hàm răng thưa đã bắt đầu

đen ở chân răng. Ánh nhìn của Kiên cũng dịu dàng, hiền hậu y như thời An thái. An thấy ấm áp trong lòng, vui mừng hỏi nhỏ:

– Anh còn nhớ cái thời đó không?

Giọng Kiên hơi run vì xúc động:

– Nhớ chứ! Nhớ cả những người mà em ngại không dám nhắc tới.

Thấy em gái cúi xuống nhìn mặt chiếu hoa trải trên nền am, Kiên biết mình vô tình khơi dậy nỗi đau xót của An. Kiên nói sang chuyện khác:

– Em có biết vì sao anh “đắt khách” thế này không?

An cố ghìm xúc cảm, giả vờ vuốt tóc để gạt ngấn nước mắt, làm bộ hờn hờ hỏi:

– Vì sao ạ?

– Trước hết là nhờ “ông Bảy Lũ”. Cái thời anh còn ngây thơ, quờ quạng đi tìm “những điều không có đâu” như là căn nguyên của đời sống, qui luật của tạo hóa, sống làm gì, chết về đâu, ý nghĩa của nước mắt, dây mơ rễ má bà con giữa loài người và cỏ cây đất đá... và và... biết bao chuyện bá vơ khác, cái thời đó ông Bảy Lũ cũng chán cảnh bon chen, khao khát đi tìm như anh. Em biết rồi, từ hồi đó, ông ấy vẫn thường cởi áo gấm mặc áo vải lui tới khu vườn nhà anh. Ông ấy đã cởi áo gấm, nhưng thiên hạ vẫn biết ông ấy thuộc dân áo gấm. Mà dân áo gấm thì ăn, ngủ, nói, cười, thậm chí ỉa đái đều có nghĩa lý sâu xa. Ông Bảy thân mật với anh, cứu anh ra khỏi tù, lặn lội từ Hoàng đế thành lên đây đàm đạo với anh, và điều quan trọng hơn hết, chết

trong tay anh, tất nhiên phải có nghĩa lý huyền diệu nào đó chứ.

An tò mò cắt lời Kiên:

– Đông Định vương mất trong cái am này sao?

Kiên lắc đầu:

– Không. Những ngày cuối đời, ông ấy yếu quá không đi vòng lên đây được. Vua anh phải cho vớng lên đây rước anh xuống. Lúc ấy ông Bảy đã như ngọn đèn sắp tắt. Nhà vua đã ra lệnh chuẩn bị đồ khâm liệm. Trông thấy anh, ông ấy tỉnh lại, như ngọn đèn hết dầu lóe lên lần cuối. Ông ấy thảng thốt hỏi anh chết xong sẽ đi đâu. Anh bảo hãy ôn lại chuyện sống. Ông ấy cười gượng, thêu thào thú nhận mình sống vô vị chẳng làm được tích sự gì. Anh bảo ông ấy làm được một việc

quan trọng hơn hết mọi điều, cao cả hơn hết mọi người. Ông ấy tươi ngay nét mặt, cố chống tay ngồi dậy. Dĩ nhiên ông ấy không dậy nổi, nhưng vẫn mấp máy môi giục anh nói ngay điều quan trọng cao cả ấy là gì. Anh đáp: “Ngài đã sống đúng bản tính Trời cho, và đã hết sức cố gắng. Những điều khác đều là thừa thãi cả thôi”. Ông ấy mỉm cười, cố đưa tay phải lên nắm tay anh. Anh nắm tay ông ấy. Bàn tay đã buông thõng trên mền gấm. Một lúc sau, bàn tay lạnh ngắt.

Kiên dừng lại. Bên ngoài, mưa thêm nặng hột. Hai cây bạch lạp kêu lèo xèo trên bàn thờ. An đưa tay lên ngực cho tim bớt hồi hộp, run run bảo anh:

– Anh nói đúng. Sống đúng tính trời và hết sức cố gắng. Em ước mong được như vậy.

Kiên không muốn đi sâu vào những điều rắc rối, nên hỏi An:

– Nhưng em có biết ngoài ông Bảy Lũ, anh nhờ nhõ vào đâu không?

– Không ạ.

– Nhờ vào sự yếu đuối. Nhờ vào nỗi sợ hãi của thời loạn.

– Em chưa hiểu.

– Em không thấy các ngài áo gấm mặt mày lấm lét lữ lượt lên đây xin bùa hộ mệnh, xin lễ cầu an hay sao? Cả những người áo rách cũng vậy. Lòng họ có yên đâu! Trong Nam ông Chung (Nguyễn Ánh) đã về Gia Định, lập hẳn một triều đình. Nghe nói người Tây dương đang đóng tàu sắt cho ông ta. Ngoài Bắc, uy danh của “ông Tám” (Nguyễn Huệ) đang lẫy lừng. Phá được một lần bao nhiêu

vạn quân Thanh thì vài toán lính yếu ở Bến Ván có nhằm gì. Khấp Qui Nhơn ai cũng tự hỏi không biết bao giờ thì Phú Xuân xua quân qua cầu. Em ở Bến Ván, có biết lúc nào không?

An thành thực đáp:

– Dạ không. Hiện giờ thì hai bên đều tránh chạm trán nhau. Nhờ thế...

Kiên hăng hái cướp lời:

– Em ở đó không biết thì trong này ai biết được. Không biết nên hoang mang, lo sợ, không lúc nào yên tâm. Bám víu vào đâu đây? Ngày mai ra sao? Con cái sẽ thế nào? Ai trả lời cho?

– Em cũng định hỏi anh những câu đó.

– Em tưởng anh đáp được sao?

– Anh đã đáp cho bao nhiêu người. Họ đến đây rầu rĩ, nhưng em nhận thấy lúc ra về, họ có vẻ yên tâm.

Giọng Kiên hơi phản kích:

– Anh lừa thiên hạ, nhưng đâu có nỡ lừa em gái mình.

Nói xong, hình như Kiên hối hận, nên nét mặt nghiêm lại, hai mắt lim dim nhìn thẳng vào khoảng không phía trên cửa am. Cánh cửa hé mở, và như những lần trước, lại kêu kẻo kẹt. Kiên giật mình, ngồi ngay lưng, đồng dặc hỏi:

– Cái gì thế?

Người đệ tử đáp:

– Bẩm đã đến giờ...

Kiên cắt lời đệ tử:

– Ta chưa đói.

Rồi vẫn bằng cái giọng sang sảng khác thường, Kiên hỏi An:

– Tối rồi chị về còn kịp không? Thôi hãy tạm qua đêm ở phòng dành cho các tín nữ. Sáng mai chị lên đây ta dặn thêm vài điều cần làm để tránh hậu hoạn.

Nói xong, Kiên đẩy cái khay đồng về phía em gái. An hiểu, liếc phía sau nhìn người đệ tử đứng tuổi của anh, rút hầu bao đặt lên chiếc đĩa lớn hai quan tiền.

Kiên cố không thay đổi nét mặt, hất đầu bảo An:

– Chị theo chú này ra chỗ nghỉ đêm.

✱

Sáng hôm sau, hai anh em lại gặp nhau. Kiên hỏi:

– Em có cần anh giúp đỡ gì không?

An đã bỏ ý định xin dẫn hai con về đây nương tựa anh. Đêm qua, chị thao thức không ngủ được, nhưng không lúc nào An nuôi ý định ấy. Điều chị suy nghĩ là: Làm thế nào Kiên có thể mặc nhiên để cho thiên hạ cung kính gọi Đức Thầy mà không e thẹn, nhột nhạt? Làm thế nào có thể sống hai mặt một cách坦然 nhiên như vậy suốt bao nhiêu năm và còn tiếp tục sống như vậy cho đến bao giờ? Làm sao một người như vậy có thể thốt được những câu như Kiên đã thốt bên giường bệnh Đông Định vương Nguyễn Lữ?

An vừa giận dữ vừa thương hại anh cả, đáp:

– Cảm ơn anh. Ngoài Bến Ván, mẹ con em buôn bán cũng đủ sống.

Kiên hơi thất vọng:

– Tùy em.

Đến lúc đó, Kiên mới nhớ mình chưa hỏi thăm Lãng. Khi An cho biết không biết gì về Lãng từ hôm trốn khỏi Phú Xuân, Kiên cố vớt vát:

– Nếu Lãng cũng bị sa cơ, thì nhắn chú ấy về đây.

An lí nhí đáp:

– Cảm ơn anh.

Họ chia tay nhau, lòng nặng trĩu một nỗi buồn vu vơ.

An ra khỏi cổng am, chân do dự. Không tự chủ được, chị nhìn về phía An

thái. Lòng chị quặn thắt khi thấy cây gạo ở bến sông đã chết khô từ bao giờ. Chị nhìn trôn cây gạo thật lâu, rồi xoay lưng đi về phía mộ mẹ.

Ngay hôm đó, An trở xuống Qui Nhơn thăm mộ cha, mộ Chinh và tìm phương tiện về Bến Ván.

Chương 99

Sau trận Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), Lãng về Phú Xuân đã thấy ngôi nhà của chị đổi chủ. Hàng rào tre được nâng lên cao hơn, sát phía ngoài có một luống chè mới trồng. Chiếc cổng cũ bị dỡ đi, thay hẳn vào đó một cái cổng vôi lợp ngói có đủ ba cửa như các dinh thự quan lớn. Thấp thoáng trong vườn, ẩn hiện một mái ngói mới. Lãng không muốn vào, vì biết sau khi Lợi chết, căn cứ theo bản luận tội của bộ Hình, thì tất cả tài sản của tử tội đều bị sung công. An còn ở Phú Xuân, tất nhiên

không ai dám đuổi An đi. Nhưng An và hai con đã trốn, ngôi nhà đẹp đẽ ấy đổi chủ là phải. Lãng chỉ cần hỏi qua loa vài người đi đường cũng biết người chủ mới là Bùi Đắc Trụ, con trai của thái úy Bùi Đắc Tuyên. Lãng thầm bảo:

– Mạng sống hãn còn lấy được, huống chi cái nhà không vốn!

Lãng không cho chuyện đó quan trọng đối với mình, vì từ lâu, một thân một mình không bận bịu vợ con, anh ở đâu chẳng được. Lâu lâu Lãng mới ghé về đây thăm chị và các cháu, những lúc khác anh ngủ ở khu trại cấm quân, hoặc nhà bạn bè. Tính anh lại dễ dãi trong chuyện ăn ở, nên khi cần, đặt lưng ở đâu để qua đêm cũng được. Thường thường, anh ở trong thành, viên cai cơ trông coi đội cấm vệ ở cửa bắc dành hẳn cho Lãng một căn phòng khá thơm mát, cửa sổ nhìn

ra một khu vườn um tùm có nhiều chim chóc đến làm tổ. Căn phòng có cửa riêng, dù Lãng có đi về thất thường cũng không làm phiền gia đình viên cai cơ. Bên trong chỉ có một cái sập gỗ tạp trái chiếu, một cái gối mây, cái bàn thấp và hai cái ghế gỗ mặt tròn. Quần áo, đồ đạc, giấy bút, sách vở vất bừa bãi khắp nơi. Nếp sống bẽ bộn, cầu thả của người độc thân chưa lụy vào trách nhiệm đã quá quen thuộc với Lãng, có thể nói là biểu hiện trọn vẹn của tính bẩm sinh. Cướp mất nhà của chị ta ư? Cứ việc! Chị ta không cần và ta cũng không cần.

Lãng trở vào thành. Mọi người mừng rỡ gặp lại anh. Lãng đã quen với sự tiếp đãi nồng hậu ấy. Anh cũng thuộc vào những người “chiến thắng oanh liệt” đấy chứ! Người ta bắt anh kể chuyện, nài nỉ anh tả cho rõ tội giặc Ngô chúng nó thất

bím ra làm sao, ăn mặc thế nào, lúc sợ hãi chạy trốn kêu la có khác người Nam hay không. Trẻ con thì tò mò hỏi anh đã tự tay đâm chết được mấy đứa. Lãng ngập ngừng, hơi thẹn, phải nói đại một con số. Lại bị hỏi tiếp mấy tên giặc đáng chết ấy bị đâm ở đâu, lúc chết ngã sấp hay ngã ngửa, máu đổ ra có nhiều không. Lãng từng chịu đựng tất cả những phiền phức ấy khắp mọi nơi, khi có người biết anh vừa dự trận đại phá quân Thanh trở về.

Ở đâu không khí cũng rộn rịp, nô nức. Lãng cũng bị cuốn vào niềm phấn khởi chung, chân phải bước nhanh hơn, miệng phải kể chuyện giết giặc. Đầu óc anh căng thẳng, thân thể rã rời. Anh cần một chỗ đặt lưng. Bấy giờ, Lãng mới thấy hết ý nghĩa của những tiếng “về nhà”.

Căn phòng ở cửa bắc của anh vẫn như cũ. Sau mấy tháng vắng hơi người,

mùi ẩm mốc và phân gián, chuột xông lên nồng nặc. Lãng hắt hơi nhiều lần khi mượn chổi quét dọn khắp căn phòng. Cái áo quên giặt, Lãng vắt ở đầu sập đã bị chuột kéo vào xó căn lăm nhăm nhiều chỗ. Mấy vỏ chuối vắt trên nền nhà đã bị lên mốc. Trong bình, nước trà cũ lâu ngày đã đóng thành một lớp váng nâu óng ánh. Gia đình viên cai cơ qua giúp Lãng dọn dẹp, trong ánh nhìn, lời nói từng người, tràn đầy niềm khâm phục âu yếm. Lãng yên tâm nhận thấy cuộc sống của mình vẫn êm ả, thoải mái như trước.

Không cần đợi lâu, Lãng đã thấy mình lăm!

*

Đúng là mọi sự trong triều có vẻ y như cũ.

Quan thái úy Bùi Đắc Tuyên (và những người cùng phe, từng tìm mọi cách giết cho được Lợi) gặp Lãng thì nghiêm mặt, giả vờ nhìn mà không thấy anh. Điều đó xảy ra từ lâu. Lãng không ngạc nhiên. Anh vào Trung thư đường. Quan Trung thư Trần Văn Kỷ vẫn niềm nở, ân cần với anh, như xưa. Trần Văn Kỷ vui vẻ hỏi:

– Chuyển về tôi tìm mãi không thấy anh đâu. Cứ tưởng anh bị gái Bắc Hà níu áo rồi chứ.

Lãng ngượng ngịu đáp:

– Dạ tôi cùng đi với đạo quân của đô đốc Bảo.

– Thảo nào. Mấy hôm nay nghỉ đã khỏe chưa?

Lăng không đáp, chỉ mỉm cười chờ đợi. Theo thói quen, anh hiểu mỗi lần hỏi như thế, quan Trung thư sắp sửa nhờ mình làm một việc gì đó. Tuy không có một sắc chỉ, hoặc một lời truyền công khai nào của vua Quang Trung xác định địa vị, công việc của Lăng, mọi người đều ngầm hiểu Lăng thuộc Trung thư đường. Trần Văn Kỷ giao việc cho Lăng là điều tự nhiên. Lúc đó, có một vị quan cấp thấp giữ việc từ hàn mang vào trình cho Trần Văn Kỷ một số giấy tờ ngựa trạm vừa từ Bắc Hà đem về. Trần Văn Kỷ vội xem qua, rồi hấp tấp mang vào đệ trình cho nhà vua. Ông bảo Lăng:

– Anh ngồi chơi nhé. Gớm, chuyện gấp lắm. Phải đệ lên Hoàng thượng ngay.

Lăng vâng lời, ngồi chờ. Trần Văn Kỷ trở lại, thân mật hỏi Lăng đã tìm ra

dấu tích của An chưa. Lãng đáp chưa. Kỷ suýt soa tỏ dấu thông cảm. Nhân dịp tốt, Lãng báo cho quan Trung thư biết chuyện Bùi Đắc Trụ đã chiếm nhà của Lợi. Trần Văn Kỷ nhường mắt nói: “Thế à!” rồi nói sang chuyện khí hậu, mưa nắng. Lại có nhiều người đến xin gặp Kỷ. Ông liếc nhìn Lãng, chặc lưỡi than:

– Gớm, bận túi bụi đủ thứ việc.

Lãng hiểu người ta muốn đuổi mình. Anh đứng dậy xin phép ra về, không dám nhắc công việc quan Trung thư muốn giao cho mình. Anh không dám đi đâu xa, sợ Trần Văn Kỷ gọi đến không ai gọi Lãng cả. Hôm sau Lãng lại đến. Quan Trung thư có vẻ ngơ ngác không hiểu Lãng đến có việc gì. Nhưng ông che giấu ngay vẻ sững sốt bằng những lời thăm hỏi thân mật:

– Anh đấy ư? Hôm qua đã đi những đâu nào? Có bị bọn con nít bắt kể chuyện bình Ngô không? Đã khỏe hẳn chưa?

Lãng đáp qua quít, và như hôm qua, anh chờ quan Trung thư giao việc. Vẫn chẳng có việc gì hết. Trần Văn Kỷ thì lúc nào cũng bận. Ông than:

– Đã đành Hoàng thượng giao việc cho hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích là giao đúng việc đúng người, nhưng nam bắc cách trở, trong này mình vẫn lo. Cái phận nước nhỏ phải thế. Đánh cho chúng vắt giò lên cổ mà chạy, nhưng sau đó vẫn phải vờ gọi chúng bằng Ngài. Trớ trêu thật!

Lãng đoán Trần Văn Kỷ đang nói về việc bang giao với nhà Thanh. Lúc chỉ còn có Trần Văn Kỷ và Lãng trong Trung thư đường, quan Trung thư hơi thiếu tế

nhị, chăm chú đọc văn thư, bỏ mặc Lãng ngồi không khá lâu. Lãng phải xin phép về. Trần Văn Kỷ ngừng lên vốn vả nói:

– Anh về à? Vâng. Vui về nhé!

Cứ như thế. Lãng không có việc gì để làm. Dần dà anh nhận ra rằng mọi sự quanh anh không giống như cũ. Các quan tở về ngại ngục khi phải nói chuyện với anh. Bọn lính cấm vệ vẫn lễ phép nhường lối cho anh vào triều, nhưng sau lưng anh có tiếng xì xầm. Anh bắt đầu cảm thấy thừa thãi, ngại ngục không muốn đến Trung thư đường. Càng ngại không muốn gặp nhà vua. Suốt ngày anh đóng cửa nằm trong phòng, lòng hoang mang, lo sợ vu vơ. Không thấy vợ con viên cai cơ gỗ cửa qua hỏi thăm như những lần trước. Lãng hoàn toàn một mình. Anh sẽ phát điên lên được nếu không mở cửa đi lang thang khắp nơi. Chân anh bước

tới trước, tới trước nữa, hoàn toàn không chủ định. Anh quên cả đói. Qua đi những phố phường, những bóng cây. Gió sông Hương làm anh tỉnh trí đôi chút. Anh ý thức rõ ràng mình đã bị đào thải. Anh bị loại bỏ một cách lặng lẽ không chính thức như trước đây anh được nhà vua tin cậy thương mến. Trong triều người ta trọng nể anh vì biết Nguyễn Huệ bảo bọc anh như một người em yếu đuối. Bây giờ, người ta xa lánh anh vì biết anh bị thất sủng. Không ai nói ra lời. Tất cả có vẻ y như cũ, nhưng không phải như cũ. Người ta không giao việc gì cho anh nữa, mà do không có một chức vụ chính thức nào, nên Lãng không còn một việc bình thường nào khác. Đơn giản thế thôi!

Lãng băn khoăn tìm kiếm nguyên do sự đổi thay ghê gớm ấy, không dám quả quyết xác định mối bất đồng giữa

Nguyễn Huệ và Lãng ở Thăng Long. Đã có biết bao chuyện bất đồng tương tự giữa hai người, từ các trang ghi chép ở Gia Định cho đến những lần tâm sự riêng tư. Lãng trọn tin ở lòng bao dung của Nguyễn Huệ để dám nói thực, nói hết, và nhớ lại các ân huệ nhà vua đã ban cho gia đình mình, Lãng tin rằng nhà vua không đổi khác.

Vậy thì cái gì đã đổi thay? Lòng ta chẳng? Lòng người chẳng? Đầu óc Lãng nóng bừng vì bao nhiêu câu hỏi dồn dập đến mà không có lời đáp. Anh không bước chân đến Trung thư đường, rồi không bước chân vào thành! Lãng bắt đầu sống lang bạt như một thằng dân lưu tán.

★

Một lần thơ thần đến cửa Nam, Lãng

thấy một đám đông bu quanh tấm bảng thường dán các tờ bố cáo. Lãng tò mò quên cả dè dặt, chen vào xem. Đó là tờ Chiếu khuyến nông. Toàn bài chiếu như sau (dịch nôm):

“Chiếu cho quan viên và dân chúng trong thiên hạ biết: Chính trị của bậc vương giả là “vun gốc đê ngọn”, chú trọng vào việc nông, nhờ đó trong nước không có kẻ chơi không, ngoài đồng không có đất bỏ hoang. Từ trải qua loạn lạc đến nay, binh hỏa liên miên, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, ruộng đất bỏ hoang. Thực số đình và số điền chẳng còn được bốn, năm phần mười khi trước.

Trẫm chịu mệnh Trời, giữ nghiệp lớn, bốn bề trong lặng. Nay buổi đầu đại định, chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu phải được tiến hành lần lượt.

Phàm kẻ du đãng, người giàu là sự thường. Cái đạo che chở dân, chẳng gì bằng bắt dân lưu tán trở về khai khẩn ruộng hoang, khiến dân du thủ du thực trở về làm ruộng. Còn những dân nào kiêu ngạo nơi khác từ trước, trốn tránh sưu dịch, hoặc ở quê vợ, quê mẹ, hoặc đã lập nghiệp bán buôn, trừ ra những người đã nhập tịch từ ba đời trở lên, còn thì nhất thiết bắt về bản quán, xã khác không được dung túng cho trú ngụ. Những ruộng công ruộng tư trót đã bỏ hoang, phải trở về nhận lấy để cày cấy không được để hoang, khiến cho những người thực cày cấy ruộng khác phải chịu thuế khổng. Các sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng phải xét sổ đinh hiện có bao nhiêu suất, sổ điền hiện có bao nhiêu mẫu, ruộng hoang mới khai khẩn bao nhiêu mẫu, hạn trong tuần tháng chín phải làm sổ xếp loại, đem nộp cho các

quan phân suất, phân tri huyện mình, các viên này chuyển đệ lên, đợi quan khâm sai xét thực, sẽ châm chước mà đánh thuế cho công bằng.

Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lẫn lữa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực, thì sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội. Xã nào có ruộng bỏ hoang đã lâu mà không ai nhận, nếu là ruộng công thì trách cứ vào các viên chức sắc, các chủ hộ xã ấy, phải chiếu nguyên ngạch thuế ruộng mà nộp gấp đôi; nếu là ruộng tư thì sung công, ngạch thuế cũng như ruộng công.

Đây là chính sách buổi đầu hướng dẫn chăm nghề gốc. Lệnh ban ra là phải thi hành.

Hỡi các thần dân! Các người đều phải trông lên thể theo đức ý của Trẫm, về nơi quê quán, chăm sóc ruộng vườn. Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội lỗi. Cái vui giàu thịnh, Trẫm sẽ cùng trăm họ chung vui.

Hãy nghiêm chỉnh tuân theo, không được trái lệnh³

Lãng muốn đọc lại một lần nữa, nhưng đám đông đã xô giạt anh qua một bên. Lãng phải nhào người chen ra ngoài. Chung quanh anh, loáng thoáng tiếng được tiếng mất:

– ... Gấp quá. Nội tháng chín thì chịu thôi...

3 Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 119, Mai Quốc Liên dịch

– ... Phải từ ba đời trở lên. Nước này có lẽ...

– ... Ngụ cư đã mấy đời có được vào chính hộ đâu! Lấy gì để định bản quán.

– ... Bác đừng vội. Bỏ rồi, tạo dựng lại khó lắm. Không thấy từ chiếu bảo “tiến hành từ từ” à!

– ... Tôi phải xin trả cái chức thôn trưởng mất...

– ... cũng còn chằm chước được chứ. Điều quan trọng là...

– ... Ồi, dẫm bừa cả vào chân người ta!

– Từ từ nào. Đã bảo từ từ. Sao không ra bằng lối kia.

– Khiếp! Biết thế này tôi đã...

Ra được bên ngoài, Lãng thấy tiếc, lại chen vào. Có nhiều câu phản đối:

- Ở cái lão này, rách cả áo người ta!
- Người đâu mà bắn thủ nhếch nhác.
- Bà con coi chừng hầu bao.

Lãng khựng lại, không ngờ cái vẻ bề ngoài của anh tồi tệ thảm thương đến thế. Nhưng Lãng không kịp xót xa thương mình nữa. Đầu óc anh bị chấn động, phấn kích dữ dội. Máu nóng nhộn nhạo khắp người anh, như mới vừa hớp một chén rượu nồng. Anh tránh xa đám đông, lẩn bắm một mình:

- Có thể chứ. Trong đời ta, biết bao lần ta ao ước có được cái giọng thẳng thừng, dứt khoát như vậy. Ai thảo bài chiếu này? Trần Văn Kỳ? Không. Ông

đồ Vân Trình ràng buộc cũng chặt chẽ lắm, nhưng quá thừa điều ôn nhu. Phan Huy Ích chẳng? Không! Ta đâu có tìm ra cái giọng dùng dằng bất quyết! Ngô Thì Nhậm chẳng? Phải rồi! Cái chất hùng tráng liệt kết hợp với nét hoa lệ uyển chuyển, rắn rỏi mà không thô bạo, từ tốn ôn hòa mà không yếu đuối, khí văn của Ước Trai pha lẫn với Tô Thức, chao ôi, ta không lắm được. Nhất định là của Ngô học sĩ. Dù sao đấy chỉ là cái áo ngoài. Chỉ là hình thức. Còn cái ý của bài chiếu thì phải do “ông ấy”. Ông nghe Nhậm chỉ dùng tài học và năng khiếu để viết ra lời một thứ chân lý có sẵn. Có thể chứ! Thành thực và sáng suốt biết chừng nào! Không dối mình, dối người, “ông ấy” nhận rõ cái cảnh binh lửa liên miên mấy mươi năm nay đã khiến cho cỏ hoang phủ lên ruộng vườn, cảnh đói kém tràn lan nơi nơi, chồng lạc vợ, dân

lưu tán không còn biết đâu là quê nhà... Công bằng biết chừng nào! Bao nhiêu năm ta từng mong mỗi tìm ra đất sống cho người lương thiện, kẻ đổ mồ hôi trên luống cày phải có bát cơm vun, kẻ du thủ du thực chuyên lường gạt, trộm cướp phải bị quét sạch. Người thực sự làm ruộng không nai lưng trả thuế thay cho bọn lười biếng bỏ đất hoang. Sự bất công trơ trẽn ấy kéo dài quá lâu rồi. Các triều trước cứ ngập ngừng, do dự, che giấu yếu đuối bằng những chữ “tại vì”, “tuy nhiên”. Bây giờ, không. Dứt khoát san bằng sự bất công ấy đi! Không khoan nhượng được nữa. Túi mật không đủ đầy thì đừng làm chúa thiên hạ. Không ai cầu. Phải mạnh dạn bắt buộc bọn du thủ du thực trở về cầm cày khai hoang mấy đám ruộng lâu nay để mặc cho cỏ dại tàn phá. Bọn lười nhát, bọn trốn xâu lậu thuế, bọn nép mặt giấu hình ở quê vợ

quê mẹ, bọn con buôn xảo trá, buộc cả lũ chúng nó về quê cày cuốc, cấy lúa cho chúng biết giá trị của một tấc đất.

Việc còn lại là làm sao “nói được là làm được”. “Chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu, phải được tiến hành lần lượt”. Đúng quá. Phải kiểm lại cho xác thực số đinh số điền. Phải định rõ trách nhiệm của chức sắc các cấp. Phải nêu rõ thời hạn từng công việc. Không thiếu điều gì trong bài chiếu cả! Lại thêm những lời khuyên răn vừa nhân ái vừa răn rỏi ở đoạn kết! Có lý có tình biết bao!

Lãng xúc động đến ngộp thở. Cái tính mẫn cảm sẵn có, cộng thêm nếp sống thiếu thốn lang bạt bao lâu nay khiến anh sôi nổi thái quá, như một người bị cảm mạo run lên trước một cơn gió nhẹ. Anh hăng hái trở lại đám đông sẵn sàng tranh luận với những kẻ đa nghi,

những kẻ ích kỷ, những kẻ trốn tránh trách nhiệm, những con gián sợ ánh mặt trời, những con chuột ngại bầy... Râu tóc, quần áo, cách nói lấp bắp, và nhất là cái nhìn say đại sáng quắc như một người đang lên cơn của Lãng khiến mọi người ngơ ngác nhìn anh như một hiện tượng lạ. Họ tránh đối đáp với anh. Từ đầu năm đến nay, chưa hôm nào Lãng cảm thấy sung sướng như hôm ấy.

✱

Lãng ăn ngủ thất thường khi đi theo những người quen cũ gặp ngẫu nhiên ở đâu đó. Một hôm có người từng làm ăn với Lợi (nay trở thành tay chân đắc lực của Bùi Đắc Trụ) rủ anh đến nghe ca Huế tại một ngôi nhà sang trọng ở gần bến đò. Lãng thú thực chưa có hột cơm

nào trong bụng. Người bạn cười nói:

– Càng tốt. Cậu đến đó tha hồ rượu thịt.

Lãng nuốt nước bọt, e dè hỏi:

– Ở đâu thế?

– Cậu đến sẽ biết. Nhiều cái hay lắm.

Họ đến đúng lúc một ca nhi tuổi độ 18, thân thể mảnh khảnh, đang gõ sanh hát một khúc Nam bình:

*Ôi! tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi
chờ non nước.*

Ngàn dặm chơi vơi

Mấy lời, nào dễ sai lời

Ai ơi, chớ đem dạ đổi đời.

(Ứng tình ứng ý), ý ứng tình thêm

càng ưa ý

Thiệt là đặng mấy người.

Lại sai lời.

Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì

Nhớ khi cuộc rượu câu thi

*Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai
bì*

*Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao
nợ, rằng ai*

Buộc lại người sinh

Lời hẹn ba sinh

Vấn vương tơ tình⁴

*Thân người thôn thôn, đôi vai gầy
và hẹp dưới lớp áo lụa trắng ngả màu, cái*

4 Trích lại của Dương Quảng Hàm, VN văn học sử yếu, trang 156

dáng ngồi co ro e ngại giữa những tiếng cười phàm tục thật hòa hợp với giọng hát chơi với thê thiết! Có lẽ còn phù hợp cả với những cơn mưa dai dẳng và con sông Hương trôi uể oải phía ngoài.

Dứt khúc Nam bình mà không có ai chịu thí cho một que thẻ thưởng công. Tiếng cười đùa ồn ào nổi to hơn. Lãng rụt rè nhắc ông bạn giàu. Người đó gạt đi:

– Cậu chỉ bày vẽ. Hạng này đáng gì. Đã có “mụ hầu” của tôi trả công rồi.

Nói xong, ông ta cười ha hả đến nỗi rung rinh hai cái má phính, mắt lẳng lơ liếc về phía cánh cửa có phủ rèm trúc ở phía trái. Người bạn dẫn Lãng vào một căn phòng khác đã bày sẵn mấy mâm rượu thịt. Nhiều người chào Lãng. Anh không nhớ họ hết, chỉ ghi nhận chung

chung là họ làm việc ở Tàu vụ hay thường lui tới Tàu vụ. Một cậu con trai khoảng 13, 14 tuổi, mặc áo sa Quảng đông, có vẻ mặt dần dần bước vào tiếp rượu. Cả phòng tiệc nổi lên tiếng gọi ới ới, chen lẫn tiếng cười sắc súa:

– Con ơi, lại đây với cha.

– Cha ngồi tận đây mà. Con chớ lầm!

– Rót thêm rượu cho cha đi. Rót đầy vào. Con tôi có hiếu quá!

Cậu bé đã quá quen với các lời chònh ghẹo kiểu ấy, thản nhiên rót rượu lần lượt cho từng người. Đến lượt Lãng, ông bạn giàu nói lớn cho cả phòng nghe:

– Con rót cho “dượng” đây thật nhiều vào. Thêm nữa. Tràn càng tốt.

Cả phòng lại cười nói ầm ĩ. Lãng

không hiểu gì cả, nâng chén rượu uống rồi ngơ ngác nhìn mọi người. Lại cười như vỡ chợ. Người nào đó la lớn:

– Xứng đáng lắm. Chỉ tiếc hơi gầy, sợ không kham nổi.

Lãng cảm thấy lợm, muốn nôn. Anh cố dằn, nhưng không được rồi. Anh nôn thốc ra mâm rượu. Đất trời điên đảo. Lãng gục rũ xuống như một con gà mắc dịch. Tiếng ồn quanh anh trở thành những tiếng lao xao bất định.

Đêm đó Lãng không đủ sức gượng dậy để ra về. Chờ đến sáng hôm sau, anh mới dần dần hiểu được những gì đã xảy ra, hiện anh ở đâu. Ngôi nhà Lãng qua đêm là của một bà góa chuyên buôn các hàng cần thiết cho dân chài như lưới, phao, sợi gai, chì, dầu rái. Cái nghề nặng nhọc ấy chỉ là bình phong che mắt thiên

hạ. Nghề thực sự đem của cải dư dả phung phí cho các cuộc rượu thịt, đãi đằng quan lớn quan nhỏ, là buôn lậu hàng Tàu. Góa chồng không con, chị chủ nhà sớm lao vào nghề buôn bán. Ăn nói đon đả khôn khéo, nụ cười mời mọc, ngún nguẩy, cái tính liều lĩnh đến bốc đồng, khả năng nhạy bén chớp đúng thời cơ, bao nhiêu yếu tố hiếm có ấy giúp bà góa trẻ tuổi làm giàu mau chóng. Chị ta biết khai thác mình đúng lúc, đúng chỗ. Chị sinh được ba đứa con, hai đứa khó nuôi, chỉ còn đứa con trai lên mười ba lo việc tiếp rượu đêm qua. Cha của đứa bé là ai? Đâu biết! Chị ta không nói, hoặc không thể nói. Cho nên những người đàn ông đến uống rượu, nghe hát ở nhà chị ai cũng có thể tự nhận là cha của đứa bé, một cách hả hê thoải mái, không bọn chút ghen tị nào. Cuộc mua bán sòng phẳng, ai cũng được phần, còn ghen tị gì nữa!

Có điều bất ngờ là từ hôm ấy, Lãng bớt lang thang thơ thẩn khắp Phú Xuân như trước. Bẵng đi khá lâu, người ta không thấy anh lui tới các chỗ quen biết. Ban đầu chưa có ai lưu ý. Lãng vốn như cái bóng mờ trong các cuộc họp mặt, anh không gây phiền lụy cho ai mà cũng không ích lợi cho ai, đến và đi không báo trước, hiện diện lảng lẽ thui thủi, khi ngơ ngác nhìn cảnh múa may trước mắt, lúc khác ứa trầm ngâm. Một kẻ bất đắc chí. Người ta gọi anh như vậy, lúc tin đồn nhà vua không còn bao dung che chở cho Lãng nữa được thực tế xác nhận. Anh đòi hỏi ít, nên không thành gánh nặng cho ai. Bảo bọc anh không tốn kém bao nhiêu, lại được cái tiếng nhân ái và chút hãnh diện được che chở một người từng được hoàng đế che chở. Lúc mọi người chợt nhớ tới Lãng, họ mới biết anh đã ở

lì tại ngôi nhà “bà góa tai tiếng” quá mức cần thiết.

*

– Cậu này, tối nay chị có mời quan Hộ bộ Tả thị lang đến nghe hát đấy. Cậu rán tiếp đón cho chu tất nhé. Ủa, cậu định đi đâu đấy?

Lãng lâu bầu không vui:

– Xuống chùa.

Cô Sáu Nguyệt (người ta vẫn thường gọi bà góa hồi xuân như vậy) có vẻ hốt hoảng:

– Xuống chùa à? Đi đâu giờ này? Về làm sao kịp?

Lãng tiếp tục khoác áo đoạn và chít khăn, nói đủng đỉnh:

– Hôm nay thầy Từ Huệ mở cuộc lạc quyền đúc tượng. Chị đã hứa góp, chị quên rồi sao?

Cô Sáu Nguyệt nhớ lại: đúng là cô có hứa như vậy thật. Góp nhiều là đằng khác. Tuy đương lúc làm ăn phát tài và ở độ hồi xuân rạo rực, nhưng vào những hôm trời Thuận Hóa sùi sụt chì chiết, cô đã cảm thấy cái ê ẩm rã rời của tuổi già. Cô lo sợ, bắt đầu nghĩ đến chuyện lấy tiền của lót đường lên Niết bàn. Nhân thấy gần đây Lãng thường bỏ nhà xuống tận chùa Hà trung chuyện vãn với thầy trụ trì, cô Sáu mừng rỡ chộp lấy dịp tốt. Không phải dịp may còn gì nữa? Không có Lãng, một người đàn bà tai tiếng như cô làm sao dám mon men đến cửa chùa! Cô Sáu Nguyệt không cản trở Lãng, cô kín đáo khuyến khích nữa.

Phân Lãng, anh xem đây là một lối giải thoát. Anh chịu đựng không nổi nữa rồi! Cái cảnh sống già nhân nghĩa non vợ chồng giữa một người đàn bà góa chồng có con hoang với một cậu trai tân nhỏ hơn gần nửa giáp, đáng lý phải dấm dúi giấu đi mới phải. Đằng này cô Sáu Nguyệt cứ xoen xoét cái mồm để khắp Phú Xuân đều biết “cậu Lãng từng là bạn thân của hoàng thượng” đã trở thành “kép độc” của “chị”. Chao ơi! Cái lối xưng chị trơ tráo giữa chỗ đông người, trong lúc ai ai cũng biết sự thực, mới đáng hổ thẹn làm sao!

Trong các tiệc rượu, đứng vai chủ nhà tiếp đón những người quen cũ, Lãng muốn độn thổ khi cô Sáu gọi Lãng bằng “cậu em”, và xưng “chị” ngọt ngào như vậy. Nghe xưng hô như thế ai cũng phải cười ha hả, và cô Sáu cười to hơn

ai hết. Hình như sau bao nhiêu năm lẫn lóc trong chuyện làm ăn dấm dúi với các quan lớn quan nhỏ, cô Sáu Nguyệt chộp đúng được yếu huyệt của bọn đàn ông, nên cô không sợ gì nữa. Cô bất chấp những lời thị phi. Khi gặp Lãng, cô Sáu tiến thêm một bước nữa: cô thách đố. Lãng không có điểm nào cho cô Sáu mê mết, gấn bó. Áo quần không chải chuốt. Râu tóc biếng chải. Nét mặt dầu dàu. Lời nói giống một trước những người Lãng khinh bỉ (Có thể nói tất cả bọn đàn ông lui tới nhà cô Sáu Nguyệt đều bị Lãng khinh, kể cả chính Lãng). Sự vụng về trong cách giao tế... Còn nhiều, nhiều nữa! Lãng lơ mờ nghi rằng cô Sáu đang thích thách đố mọi người hơn là thích anh. Có Lãng, cô Sáu thách thức táo tợn hơn, liều lĩnh hơn. Anh không thể chịu đựng hết những trái chứng quá quắt của bà góa, đồng thời không có can đảm sống trở lại

cuộc sống lang thang như cũ. Lãng tìm đến chùa Hà trung trong hoàn cảnh ấy.

Lãng thấy cô Sáu Nguyễn hơi lúng túng, liền xảng giọng:

– Vả lại có quan thị lang nào lại dám đến đây?

Cô Sáu Nguyệt bĩu môi:

– Chỗ nào có hơi đồng, chúng nó đều dám đến cả.

Lãng tức giận nói:

– Chị đừng quá tin ở đồng tiền của chị. Tôi dám đoan chắc trong vụ này có điều mờ ám. Ai mời quan thị lang đến giúp chị?

– Thì vẫn ông Trạ.

– Trạ nào?

– Còn Trụ nào nữa. Cái ông đã tổng cổ “cậu” ra khỏi nhà đấy. Ông ấy bảo nếu chị khéo chiều quan thị lang sẽ cho phép chị độc quyền buôn muối.

Lãng quả quyết:

– Chị không phải là người vô danh ở kinh thành này. Hoàng thượng lại rất ghét bọn quan lại chuyên thậm thụt ăn dơ. Không có quan thị lang nào dám chường mặt đến chỗ này cho thiên hạ thấy. Chị cứ tin tôi đi!

Cô Sáu Nguyệt đuối lý, giọng thiếu tự tin:

– Nhưng chẳng lẽ ông Trụ nói gạt chị? Lâu nay chị với cánh ông ấy sòng phẳng với nhau lắm.

Lãng sợ trễ chuyển dò dặc, hỏi nhanh:

– Chị có muốn tối nay tôi lột mặt nạ của chúng không?

Quả nhiên, cô Sáu Nguyệt sợ:

– Thôi. Chuyện đâu còn có đó. Hẳn lừa mình, mình cứ tự nhiên như không hay biết. Chờ dịp thuận tiện, sẽ cho hắn biết tay. Cậu vẫn quyết đi chùa đấy à? Thôi, đi đi. Quyên giùm cho chị hai mươi... à không, mười quan tiền để thầy mua đồng đúc tượng. Mô Phật! Phên này chúng nó sẽ biết tay bà!

✱

Hôm đó, đáng lý thầy Từ Huệ giảng cho Lãng nghe kinh Viên Giác. Nhưng thợ trai xong, sự cộ âu yếm hỏi Lãng:

– Cháu đã xem qua vườn phong lan của nhà chùa chưa?

Lãng thành thực đáp:

– Bạch thầy, chưa ạ.

Thầy Từ Huệ chớp mắt như cố giấu xúc động nào đó, giọng hơi băng khu-
âng:

– Thời trước, cha của cháu mê chơi phong lan sớm hơn cháu. Năm nay cháu bao nhiêu tuổi rồi?

Lãng phải lẩm bẩm thầm tính một lúc mới đáp:

– Dạ cháu ba mươi lăm rồi ạ.

– Phải. Cha cháu bắt đầu tìm phong lan từ lúc “tam thập nhi lập”. Kể cũng phải, vì thời đó thông dong hơn. Cháu đi lối này. Xách giùm cái bình tưới theo luôn.

Sứ cụ dẫn Lãng ra mái hiên nam,

nơi mấy gốc soài sum suê che rợp một khoảng vườn. Trên các cành cây, ở dọc mái hiên, đeo lủng lẳng năm sáu chục cây tầm gửi. Cây thì bắt rễ ở một vỏ dừa khô, cây thì bám vào một cành củi mục.

[Bắt đầu từ đây, ý truyện phỏng theo Thơ Nghiên Hoa Mộng của Hư Chu, Nguyễn Hiến Lê xuất bản, Sài gòn 1956.]

Lãng nhìn ra vườn không thấy mấy khóm cúc, thược dược, mẫu đơn đâu nữa, ngạc nhiên hỏi:

– Mấy khóm hoa kỳ trước đã hư cả rồi, bạch thầy?

Sư cụ cười hiên:

– Đến Viên Giác rồi thì không nên kể đến Lãng Nghiêm hay Pháp Hoa nữa!

Lãng e ngại nói:

– Bạch thầy, cháu chưa hiểu gì cả.

Thầy Từ Huệ vẫn giữ nụ cười trên môi:

– Rồi cháu sẽ hiểu. Cháu xem, phong lan nhà chùa có đẹp không?

Lãng thành thực nói đúng ý mình:

– Cháu thấy... cháu thấy... biết nói thế nào cho đúng nhỉ! Cháu chỉ thấy những cọng rễ quấn queo bám vào thân mộc, lá buông rườm rà, họa hoàn lắm mới được vài bông hoa, mà hoa thì cũng không lấy gì làm đặc sắc. Cháu có ngửi thoang thoáng thấy một mùi hương... lãng đãng... Không biết có đúng là hương phong lan hay không. Mùi hương không định, ngửi vào là biết ngay như hương hoa cúc, hoa huệ, hoa hồng. Thầy kiếm được bao nhiêu loại mà treo nhiều thế ạ?

– Cháu tưởng thế! Quanh đây mới chỉ được bốn năm chục loại phong lan. Sách xưa chép có người tìm được đến 180 thứ lan khác nhau, nhưng các loại hiện có trên đời này phải gấp mười lên kia!

– Nhiều thế thì làm sao nhớ cho hết!

– Đã có người viết được cả một bộ Phong lan sử rồi đấy. Không có gì khó cả, khi người ta quyết tâm.

Lãng nhìn lại cái vườn hoa cũ chỉ còn trơ các luống đất đen xộp, rồi nói:

– Bạch thầy, cháu cũng đã thấy quyết tâm của thầy. Vừa rồi thầy dạy mấy chữ “đến Viên Giác”. Cháu mong được...

Thầy Từ Huệ cười xòa, vỗ vai Lãng nói:

– Đây chỉ là một cách hiểu Phật. Ngày xưa, thầy Ma-ha Ca-diếp nhìn Đức Phật cầm đóa hoa sen liền ngộ đạo. Đức Phật bảo: “Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết bàn Diệu Tông, phó thác cho người Ma-ha Ca-diếp”. Chúng ta cũng bắt chước nói chuyện hoa vậy. Chỉ nói chuyện hoa mà thôi, quên hết những thứ khác đi.

Lãng vội đặt ngay câu hỏi để bớt tò mò:

– Bạch thầy, cháu xin chỉ hỏi về hoa. Vì sao thầy không còn thích cúc, mai, thược dược, hồng nữa, mà chỉ thích phong lan?

Thầy Từ Huệ âu yếm nhìn quanh các giò hoa lan trước khi quay về phía Lãng, rồi chậm rãi đáp:

– Vâng, chúng ta chỉ nói về hoa. Tại sao ở cái độ thời gian này bạn tặng chỉ thích phong lan ư?

Trước hết bởi vì đó là cái đẹp chưa định, như cháu vừa bảo mùi hương phong lan chưa định như loài huệ, loài cúc. Cái đẹp còn mời gọi khám phá, cái đẹp còn đang tìm kiếm. Mấy năm loạn lạc cháu đã thấy ở Thăng Long cũng như ở đây, lâu lâu giữa đông giấy cũ để bán ngoài chợ cho người ta dán quạt, có thể tìm được những cuốn sách cổ quý giá vô ngần. Tìm được một cuốn sách quý giữa mớ giấy tờ bèo nhèo, còn thú hơn đi ngắm đồ trang sức bày la liệt ở tiệm vàng. Người thợ đã tìm được ngọc sung sướng hơn người thợ may dát ngọc lên áo gấm. Chơi lan là đi tìm cái đẹp, chứ không lười biếng ngồi hưởng cái đẹp đã sẵn. Cháu hiểu ý bạn tặng chưa?

– Bạch thầy, hiểu ạ!

Thầy Từ Huệ trở một giò phong lan bám vào khúc củi khô, nói tiếp:

– Cháu có thấy tất cả loài lan đều là tầm gửi không? Loài hoa khác bám rễ vào lòng đất, tự hút lấy nhựa sống. Giống phong lan không có được cái căn cơ đó. Bám vào một ngọn cây cao, hoặc một thân mục. Như cháu thấy kia, dây lan chỉ bám vào vỏ trái dừa khô. Mình tưởng như phát phơ, mong manh, vô dụng, nhưng sự sống của nó trường cửu kỳ lạ. Chỉ cần vài giọt mưa và lòng kiên nhẫn chờ đợi: một ngày kia, giữa chỗ không căn cơ đó đột nhiên nở ra một đóa hoa, hoặc không có hoa nhưng phảng phất một thứ hương hiếm. Phong lan không dành cho kẻ vội vàng, lười lĩnh, hiểu cạn, tham lợi. Nó không hứa hẹn dễ dãi, không chịu bằng lòng trong

khuôn thước. Có bậc cao sĩ của huyện đã gọi vẻ đẹp phong lan là thái hư. Điều phong lan hứa cho cửa Phật tạm gọi là Chân như cũng được lắm. Cháu hiểu ý bản tăng chú?

Lăng đáp nhỏ:

– Cháu chỉ hiểu lơ mờ. Có phải thầy trở lại cái ý “đến Viên Giác” lúc này?

Sư cụ không đáp câu Lăng hỏi, trầm ngâm một lúc rồi nói:

– Có lẽ nên nói điều này cho cháu dễ nhận. Như cháu đã biết, có mấy nghìn thứ phong lan trên mặt đất này. Làm sao đặt tên cho hết! Cho nên trong các cuốn Phong lan sử, người ta tạm chia làm ba loại: hiển lan, u lan và mặc lan.

Hiển lan anh hoa phát tiết ra hết, màu sắc sỡ dễ định, hương nồng nàn. U

lan kín đáo như một thứ sắp nở còn giấu nhiều vẻ, nhiều tính bí nhiệm. Cao nhất là mặc lan thường mọc trên ngọn cây chót vót hoặc nơi núi sâu, như người tài ở ẩn, không cần ai biết đến mình. Cháu lại đây!

Sư cụ dẫn Lãng đến gần một giò phong lan có lá màu hồng uốn cong lên, dù lúc ấy không trổ hoa nhưng hương tỏa ra ngào ngạt, sư cụ nói:

– Loại lan này có hương thơm dễ định. Đáng lẽ xếp vào hiễn lan. Nhưng vì mùi hương chứa được bệnh nhức đầu cảm mạo, nên phải xếp vào u lan. Tên nó là Liệu đầu phong.

Thầy Từ Huệ lại dẫn Lãng đến một giò lan đang nở hoa trắng:

– Loại này không hương, hoa sắc

trắng. Màu trắng tinh khiết chứa đủ mọi màu, nên có thể xếp vào u lan. Nhưng nếu lấy phẩm xanh tươi vào rế cái, hoa trắng sẽ đổi dần ra màu lá mạ. Gần một khắc, màu xanh ấy phai đi. Nếu ta thay phẩm vàng hay đỏ, hoa lại có màu y như màu phẩm. Như vậy là không có tư cách vững vàng. Lòng dạ lang chạ, tráo trở. Bèn phải xếp vào loại hiển lan.

Lãng thích thú đề nghị:

– Thầy cho con tưới thử nước phẩm!

Sư cụ cười:

– Được. Nhưng lúc khác hãy thử. Cháu nhìn giò lan treo ở cành xoài kia kìa. Bần tăng đã xin thử lan có lá màu vàng xám ấy tận động Lữ đem về đây nuôi sáu bảy năm nay mà chưa thấy trở hoa. Bần tăng đã ngờ có lẽ chỉ là một loại

cỏ dại. Năm trước được một ông bạn phố Thanh hà cho mượn cuốn Phong lan sử của Thiệu Đồ, tra xem mới biết là một loại lan hiếm. Vì chưa tìm ra cái sâu kín của nó, bần tăng chưa dám xếp nó vào u lan hay mặc lan.

– Bạch thầy, Phong lan sử xếp loại như thế nào ạ?

– Thiệu Đồ đạo nhân xếp vào mục Tồn nghi. Trong mục này, cũng có nhiều truyền thuyết khá lý thú. Sách chép đời Tống Thần tôn có chàng họ Thạch tìm được một cây phong lan có mùi thơm như mùi da con gái. Từ lúc hái về nhà, đêm đêm Thạch chỉ uống rượu để ngủ bên cây, không buồn ngó ngang đến vợ. Vợ Thạch ghen tức chờ lúc vắng chồng, rót trộm nước nóng khiến cho lan khô dần rồi chết. Cây chết. Thạch tương tư

thành bệnh chết theo⁵.

– Có lẽ chỉ là chuyện thù dệt cho vui đấy thôi. Bạch thầy, làm gì có loại lan lạ đến thế.

– Bần tăng cũng chẳng dám quyết. Có điều theo ý bần tăng, không nên xếp vào mục Tồn nghi. Giống lan lạ như thế, người cạn nghĩ liền xếp vào u lan. Bần tăng thì xếp ngay vào hiển lan vì nó chỉ gọi cái đăm mê tầm thường.

– Bạch thầy, ở đây có loại mặc lan nào không?

– Tiếc là bần tăng chưa được cái may mắn ấy. Tháng trước, sư cụ Phước vân tự bảo có nghe một người tiểu phu già núi Thiên thai thuật rằng trên đỉnh núi ấy có một loại lan hoa đen tuyền mà mượt như nhung. Bần tăng chưa dám trợn tin.

5 Hư Chu, Hoa Nghiên Thơ Mộng, trang 61

Truyền kỳ đời Lê cũng chép rằng khoảng niên hiệu Chính hòa, ở làng Cách, huyện Nghĩa hưng có một nho sinh tài hoa tên là Tống Uyên Đình. Tống sinh tìm được trên ngọn y lang xã Phù Ninh một thứ lan hiếm. Cây phong lan gốc mọc chia làm bốn dây dài rũ xuống, rễ trắng mềm và óng như tơ, còn lá thì màu tía nhạt, thon như ngón tay và mỏng như lụa. Nhìn các đốt dây thì thấy đốt nào cũng có nụ, hoa nở bằng hột quít, còn ở đầu bốn ngọn chồi nõn đang sinh. Hoa đẹp lạ thường, lại thơm nức. Mùi thơm tỏa rộng vài trăm bộ, nửa như cúc, nửa như mai. Còn về sắc thì cánh hoa lấm chấm chín màu, bốn cánh dưới nhỏ trên to khiến ai thấy cách một khoang thuyền cũng tưởng là bướm đậu. Tống sinh liền đặt tên là lan hồ điệp, và xếp vào nhóm hiên lan. Bần tăng quên điều quan trọng là Tống Uyên Đình có giọng bình thơ

rất hay. Đêm ấy, Tống ngồi bên đèn bình bài ngũ ngôn cổ phong Cảm Ngộ của Trần Tử Ngang. Bỗng Uyên Đình thấy đàn bướm phong lan đập đập. Lấy làm lạ, Tống ngưng bình thơ thì cánh lan hồ điệp cũng ngưng, Tống lấy giọng bình thơ thì cánh hoa lại đập. Thử nhiều lần đều như vậy. Mới biết lan hồ điệp cùng thuộc một nòi tình. Cháu thấy thế nào, xếp lan hồ điệp vào hiên lan hay mặc lan?

Lãng xúc động, giọng nói hơi nghẹn và run:

– Bạch thầy, đích thị là một thứ mặc lan. Nếu quả thực có một loại phong lan như vậy, dù phải leo đèo lội suối, dù chết mất xác trên rừng sâu, cháu cũng quyết tìm cho được.

Thầy Từ Huệ cười nhẹ rồi hỏi:

- Cháu tìm để làm gì?
- Cháu cũng chưa biết để làm gì nữa.

Sư cụ bảo Lãng:

- Cháu thử tìm xem. Biết đâu cháu không đến được cõi Viên Giác.

Chương 100

Từ đầu tháng 8, Lãng không tập về nhà bà góa nữa. Anh trở lại nếp sống lang thang như trước. Tuy vậy cuộc sống của anh đỡ bấp bênh, lêu bêu hơn. Lãng kiếm được chút ít tiền nhờ viết thuê tờ khai gốc gác ba đời để nhập chính hộ cho những người nhà giàu mù chữ. Bấy giờ, khắp các thôn xóm, cuộc kiểm tra sổ đinh điền theo Chiếu Khuyến nông đã bắt đầu. Sau bao năm chinh chiến, hết Nguyễn đến Trịnh, hết Trịnh đến Tây Sơn, lớp mới lên thì lớp cũ phải phiêu giạt, nhà cháy vườn không, phải

dắt díu đến chỗ không có tên đạn, các lớp tị nạn cứ chập vào nhau như sóng đập, số dân chính hộ lưu cư từ ba đời ở các thôn xóm thật quá ít. Gần như hầu hết số đình trong từng làng đều là dân kiều ngụ. Kể cả những chức dịch như thôn trưởng, xã trưởng, phân tri, phân suất.

Cho nên từ lúc thực hiện các điều ban hành trong Chiếu Khuyến nông, khắp Phú Xuân và vùng phụ cận đều lên cơn sốt. Ai cũng tìm cách vào cho được chính hộ bằng bất cứ cách nào, bất cứ giá nào. Lãng viết đơn thuê không kịp: nào tờ khai dối đã từng lưu cư tại đó từ ba đời, nào đơn khiếu nại bị xếp oan, nào giấy thỉnh nguyện xin được đặc cách vì thế này vì thế khác... Lãng được chiêu chuộng, mời mọc, nhờ diễn đúng và gọn những cảnh huống phức tạp rối rắm lên

các lá đơn. Anh đủ tiền ăn no hơn, mặc lành hơn, chưa kể những lần bị khách hàng ép rượu, da mặt anh lấy lại chút hồng hào. Đôi mắt anh trở nên linh hoạt. Những người gặp anh thời đó không quên được ánh nhìn hồn nhiên tươi tắn của Lãng mỗi khi anh ôn tồn an ủi: “Can chi mà lo. Thế nào quan trên cũng xét cho bác (cho anh, cho chị, cho chú, cho thím...) được lưu cư. Chính sách chỉ nhằm đuổi bọn vô lại về cầm cày đó thôi”. Dĩ nhiên chú, bác, anh, chị... đang nghe Lãng nói đây không thể thuộc hạng vô lại!

Lãng thành thực tin tưởng như vậy. Anh không giả dối môi miếng để kiếm chút tiền viết thuê! Ánh mắt lạc quan của anh xuất phát từ trong một trạng thái tâm hồn lạc quan. Thật vậy, Lãng tin tưởng hoàn toàn vào các biện pháp

thực tiễn, công bằng, có tình có lý của Chiêu Khuyến nông, như anh cả tin vào các trường hợp oan ức, tội nghiệp của kẻ nhờ anh làm đơn khiếu nại. Công lý phổ quát dù sao cũng không soi thấu đến các góc ngách phức tạp, các ngoại lệ. Anh đang dùng chút học thức khiêm tốn của mình vào việc “hoàn chỉnh công lý”.

Công việc bận bịu, nhưng lâu lâu, Lãng cũng tìm cách xuống chùa Hà Trung để ngắm phong lan. Anh dần dần bị thú chơi lan quyến rũ. Cái đẹp còn đang đi tìm! chân lý vĩnh cửu của thái hư! Cái đẹp thái hư ấy nhiều khi chuộc lại được những lầm lỡ, ngu dốt, độc ác, trơ trẽn, giả dối, cũng chưa biết chừng! Đôi khi Lãng lan man nghĩ như vậy, và càng cảm thấy yêu phong lan hơn.

✱

Những tờ khiếu oan thống thiết Lãng viết thuê, không phải tờ nào cũng có kết quả. Lãng đã gặp khá nhiều người bị xếp vào hạng lưu tán, tệ hơn nữa, bị xếp vào dân du thủ du thực. Anh có làm giúp không lấy công cho họ nhiều đơn khác. Kết quả vẫn như cũ. Nhiều người chán nản nói:

– Đến nước này thì chỉ còn cách dắt díu vào Bến Ván thôi!

Lãng ngạc nhiên hỏi:

– Vào đó làm gì? Chỗ dầu sôi lửa bỏng...

Anh được giải thích cặn kẽ do đâu Bến Ván trở thành chỗ dung thân cho dân lưu tán. Lần đầu, anh không tin mấy. Về sau, nhiều người bất hạnh nhắc đến

Bến Ván, anh mới trọn tin. Không mấy vui, nhưng Lãng nghĩ: biết đâu đó cũng là một chỗ Trời dành riêng để “hoàn chỉnh công lý”. Thêm một lý do nữa để anh lạc quan tin Trời, yêu người!

Có điều khó tin nhưng có thật là Lãng quên bằng hoàn cảnh mình. Anh trở mắt nhìn viên xã trưởng Vỹ dạ thượng khi nghe báo mình bị liệt vào hạng du thủ du thực. Viên xã trưởng lúng túng đưa tay gỡ đầu, cổ giải bày, phân bua:

– Tôi đã hết lời bênh vực cho thầy trước quan phân suất, sau đó năn nỉ cả quan phân tri huyện. Nhưng thầy hiểu cho, thầy sống lâu bêu không vợ con, không nhà cửa thế này, làm sao nói được! Quan phân suất cũng lấy cơ nhà cũ của thầy hiện do người nhà quan thái úy cư ngụ, không muốn ghi tên thầy vào sổ đình của xã. Bớt được một tên du thủ du

thực trên danh sách càng đỡ bị Bề Trên quở trách. Chắc thầy hiểu!

Lãng ngồi bần thần không nói được câu nào. Vâng, anh đã hiểu. Anh chỉ ngạc nhiên tại sao mãi đến bây giờ Lãng mới nhận ra nhân dáng của anh, theo lối nhìn của các quan. Lâu nay anh cứ ngang nhiên coi mình như một người lương thiện, không dối gạt ai, không làm hại ai. Tuy không làm được những điều lớn lao, nhưng Lãng tự xem như một kẻ có ích cho đời. Lương tâm anh không có gì xấu hổ. Anh hơi mềm yếu, sống buông thả, nhưng như một ngọn cỏ non, anh không làm đau cả đến gót chân một đứa bé. Thế mà người ta nổi liệt anh vào hạng du thủ du thực!

Tự nhiên Lãng cảm thấy vị đắng đắng ở đầu lưỡi. Anh nhớ lại niềm hân hoan khác thường của mình hôm đọc

bài Chiếu Khuyến nông ở cửa Nam. Cho đến lúc này, anh vẫn công nhận bài chiếu hoàn toàn hợp lý. Anh thuộc vào trường hợp ngoại lệ. Sự hữu ích của anh đo lường bằng những tiêu chuẩn trừu tượng như là lòng chân thật, sự liêm khiết, đức nhân ái, lối sống chí tình với những điều mình tin tưởng, khát vọng đi tìm cái tuyệt đối...

Những tiêu chuẩn đó không được ghi trong bài Chiếu Khuyến nông. Không nghề nghiệp, nhà cửa, vợ con, tức là du thủ du thực. Đơn giản thế thôi!

✱

Khoảng cuối tháng tám, Lãng nhận được tin chị lần đầu. Một khách hàng bất hạnh của anh vào Bến Ván trước để

chuẩn bị đưa cả gia đình vào sau, lúc về có nhắc đến tên An. Lãng hồi hộp hỏi thêm vài câu, đã biết đích xác mẹ con An hiện ở trong đó. Thượng tuần tháng chín, Lãng quyết định đi tìm chị!

Hôm ấy An bận lo dọn dẹp kho, nên nhờ con bé Thái ngồi trước cửa trông hàng. Thái thấy một “ông già” mặc áo lương đen bạc màu, quần ống cao ống thấp, đầu để trần, râu tóc lốm đốm bạc phủ đầy bụi đường, xăm xăm tiến về phía nhà mình. Dáng đi còn nhanh nhẹn tương phản với cái dáng người gầy gò già nua, khiến con bé do dự không biết gọi thế nào cho đúng. Thái thấy “ông già” dừng lại trước cửa hàng, đoán chắc lại một người xiêu tán nữa vừa từ phía bắc vào tìm nơi nướng nấu ở đây. Thái nhớ lời mẹ dặn, nên lễ phép lên tiếng trước:

– Thừa cụ... à thừa bác, cửa hàng ế ẩm lắm ạ. Mẹ cháu lại vừa đi khỏi, cháu không dám...

Lăng bật cười. Thái bỡ ngỡ, ngờ ngợ đã gặp đôi mắt hiền dịu này, nghe giọng cười khao khao này ở đâu rồi. Quen thân lắm. Lăng muốn kéo dài cái thú bất ngờ, nên hỏi:

– Không có mẹ ở nhà làm sao cháu biết giá cả? Chuyến này bác mua nhiều thật là nhiều.

Con Thái ngây thơ hỏi:

– Bác định mua những gì? Để cháu... ơ kìa, có phải cậu không? Cậu Lăng! Mẹ ơi! Mẹ! Ra đây mau. Có cậu Lăng vào thăm đây này. Vậy mà cậu còn giả vờ...

Thái đứng bật dậy, chạy ra ôm chầm lấy Lăng, miệng không ngớt gọi:

– Cậu! Cậu vào hồi nào? Mẹ ơi! Ra xem cậu Lãng đây!

An từ phía sau chạy ra. Chị thấy con đang dụi mặt vào lòng một ông lão ăn mặc dơ dáy bẩn thỉu và thút thít khóc. Lòng An nhói đau. Lãng nhìn về phía chị, đứng yên một chỗ chờ cho cháu qua cơn xúc động. Anh mỉm cười chờ An nói trước, vì chính lúc đó, Lãng cũng xúc động đến nghẹn lời. An tiến lên vài bước, thì thào không tin ở mắt mình.

– Em đấy phải không Lãng? Trời ơi! Vì sao em đến nông nỗi này?

Thái mừng quá, quay lại nói với mẹ, ngấn nước mắt còn nguyên trên má nhưng ánh nhìn long lanh vui:

– Mẹ còn hỏi gì nữa, đúng là cậu Lãng rồi! Cậu vào nhà đi! Guốc của cậu đâu?

An nhìn xuống hai chân em. Bấy giờ chị mới thấy ở bàn chân phải, Lãng dùng giẻ quấn quanh một vết thương hình như ở chỗ mu bàn chân. Trên miếng giẻ bẩn thỉu vì lấm bùn và dỉ mồ hôi, có một chỗ loang lổ máu khô. An lo sợ ngồi xuống trước mặt Lãng hốt hải nói:

– Chân em làm sao thế? Có nặng lắm không?

Bây giờ Lãng mới thấy mỗi dùi ở khắp thân thể. Vết thương nơi bàn chân nổi buốt. Anh bước cà nhắc đến chỗ mép phản. Thấy nét mặt chị và cháu lo âu thái quá, Lãng cười nói:

– Chị đừng lo. Em gần đến Bến Ván, mừng quá, vấp phải một gốc cây đã bị chặt gần sát đất.

An thẳng thốt hỏi:

– Có ra máu nhiều không?

– Ít thôi. Thái vào rót cho cậu bát nước.

Thái liền lau bảo:

– Con hư quá đi mất. Đáng lẽ con phải rót nước mời cậu ngay. Cậu uống nước chè tươi nhé! Nước hơi nguội. Hay cậu chờ con đi nấu ấm khác.

– Nước gì cũng được. Suốt mười mấy hôm cậu uống toàn nước lã đã sao đâu!

An quay lại bảo Thái:

– Con rót nước cho cậu, rồi vào nhóm lửa nấu ngay cho mẹ một nồi nước lớn. Mẹ phải rửa vết thương của cậu, không lại làm độc.

Con bé Thái định chạy xuống bếp,

chợt nhớ điều thắc mắc, nên dừng lại hỏi:

– Sao lúc nãy con thấy cậu bước mạnh bạo lắm mà?

An cau mày:

– Cái con này! Chỉ hỏi vớ vẩn. Rót nước cho cậu nhanh lên.

Lãng đáp với theo cho cháu nghe:

– Cậu hỏi thăm được biết chỗ cháu ở, mừng quá nên quên cả cái chân đau.

Rồi quay về phía An, Lãng nói:

– Trông chị có vẻ khá hơn trước, em muốn nói... em muốn nói có vẻ khỏe mạnh hơn cái ngày... Sáng hôm đó, em chạy tìm chị khắp nơi, em chạy ra bến đò, em...

An gạt đi:

– Thôi, đừng nhắc lại chuyện ấy nữa (giọng An hơi rạn vỡ). Chị em mình còn gặp nhau đây là vui rồi. Nhưng, em ốm và tiêu tụy quá. Em vừa đau mới dậy phải không?

– Không. Em vẫn khỏe đấy chứ.

– Hay vì đi đường vất vả. Sao em không thuê ngựa đi cho đỡ chân. Những dân lưu tán chạy vào đây nhiều người thuê cả ngựa thồ chở không thiếu thứ gì, từ nồi niêu cho đến cái chổi. Trời ơi. Chị lú lẫn quá! Việc gì em phải thuê ngựa. Thiếu gì ngựa trạm. Em dám bỏ việc quan đi tìm chị sao?

Lãng ngược lên nhìn thẳng vào mắt An, cố tìm hiểu xem chị đã biết mình bị thất sủng hay chưa. Anh thấy An chưa

biết gì. Không muốn cho An đau khổ vội, Lãng nói dối:

– Có gì mà em không dám bỏ. Nghe được tin chị, Lãng mừng quá, ra tìm đồ đi ngay.

– Sao lại đi đồ?

– Lúc ấy em đang ở chơi dưới thầy Từ Huệ. Sư cụ chùa Hà trung chị nhớ không? Sư cụ là bạn thân của cha chúng ta, từ thời còn đi lại dinh quan nội hữu Ý đức hầu...

An mất kiên nhẫn, vội hỏi:

– Nhưng làm sao em biết chị ở trong này?

Lãng cười, chỉ tay về phía một đoàn dân lưu tán gồm đủ già trẻ lớn bé đang kéo qua trước cửa:

– Nhờ một trong những người này. Họ vào đây trước để xem xét cách mưu sinh rồi mới về Phú Xuân dẫn cả nhà vào.

An nhìn theo một đứa bé gái độ năm, sáu tuổi quần áo rách rưới đang cố chạy theo cho kịp mẹ, buồn rầu hỏi:

– Sao gần đây có nhiều người chạy về đây quá! Trông cảnh họ, chị lại nhớ cảnh mẹ con chị năm trước. Ngoài đó ra sao?

Lãng định trả lời, nhưng đột nhiên An sợ. Sợ cái gì? Ngay lúc ấy, An không định rõ. Chị vội nói:

– Thôi, để lúc khác hãy hay. Em cởi miếng vải ra cho chị xem vết thương có sâu không. Thái ơi! Sao chưa bưng nước cho cậu.

Thái dùng cái mâm gỗ sơn đen bưng

ra cho Lãng một bát nước chè tươi nóng nổi bọt, nét mặt hân hoan đến đỏ hồng:

– Nước cũ nguội quá. Con nấu luôn nước chè cho cậu uống.

Lãng chợt nhớ đến thằng Phát. Anh hối hận đã không hỏi thăm đứa cháu trai từ đầu, xoắn xang trong lòng vì tự biết sự thờ ơ đó do anh không ưa Phát, Lãng đưa tay bưng bát nước chè, cố lấy giọng tự nhiên hỏi Thái:

– Anh Phát của cháu đâu rồi?

Thái liếc về phía mẹ. An buồn rầu nói:

– Vào đây, nó càng thêm lêu lổng. Từ sáng đến giờ không thấy mặt nó. Gặp em rồi, thế nào chị cũng nhờ em dẫn nó về ngoài đó dạy dỗ cho nó vài chữ, may ra nó hiểu lẽ nghĩa, bớt hoang đi!

Một lần nữa, Lãng lại ấp úng nói dối:

– Vâng, em sẽ cố gắng.

An mừng rỡ nói:

– Em hứa như vậy, chị mừng lắm. Ờ Lãng này, bây giờ chị lại thấy em tươi trẻ y như mấy năm trước. Lúc này chị thấy em già nua tồi tàn quá. Vâng, nhìn kỹ thì em vẫn như xưa. Nếu... nếu em đội khăn và cắt bớt râu đi, nếu đôi mắt em tươi lên một chút, nếu...

Lãng cười, cắt lời An:

– Chị “nếu, nếu” nhiều quá, em làm sao cho hết!

An cũng vui theo, cười lớn và bảo em:

– Em đi tắm đi. Chắc nước sôi rồi. Thái ơi, đã có nước cho cậu tắm chưa?

Tiếng con Thái đáp:

– Rồi mẹ ạ. Con đang pha vào vò.

An bảo Lãng:

– Em lấy nước sôi đổ riêng ra thau chờ âm ỉm rồi hãy tháo vải rửa chân. Tắm xong chị sẽ bôi thuốc. Có thứ thuốc cao Quảng Đông công hiệu lắm. Em có đem quần áo theo không?

Lãng không dám thú thật chỉ còn một bộ đồ cũ trên người:

– Em còn gửi cả đặng kia!

– Thôi em lấy tạm quần áo của thằng Phát. Nó lớn lắm, cao gần bằng em rồi đấy. Mười bốn tuổi rồi còn gì.

Thái lên nhà trên, khoe thêm:

– Anh ấy nói giọng ồm ồm như người

lớn, cậu biết không? Chỉ phải cái tật ngủ li bì, và mê học võ.

An lườm con, bé Thái không dám nói thêm gì nữa.

*

Đêm. Bên ngoài, gió lốc thổi cát bay đập vào liếp tre ở chái bắc kêu rào rào. Bến Ván lịm trong giấc ngủ nức nội dật dờ. Hai chị em ngồi bên ngọn đèn dầu dừa leo lét, gần như thì thầm với nhau vì không muốn đánh thức Phát và Thái.

Lãng kể cho chị nghe đời sống bấp bênh của mình trong hơn một năm qua. Dĩ nhiên Lãng giấu cái thời anh sống bám vào gấu quần mẹ góa tai tiếng. An bùi ngùi, nhìn em thương hại. An nói:

– Chị vẫn nghĩ tuy đã mất, cha mẹ dưới tuổi vàng không rời mắt khỏi chúng ta một bước. Lãng nghĩ mà xem, hồi đó ba mẹ con chị không biết trốn đi đâu nữa. Ra phía bắc thì nhất định không được rồi. Chỉ còn lối vào nam. Nhưng về đâu? Về đâu? Chị cứ nhắm mắt bước liêu. Chúng ta còn có quê hương nào nữa mà về.

An chợt nghĩ đến An Thái, lòng hồi hộp, ngừng lên hỏi Lãng:

– Em có biết chị vừa về thăm An Thái không?

Lãng không tin ở tai mắt mình, hỏi lại:

– Chị vừa nói gì thế?

Giọng An hơi phảng phát niềm kiêu hãnh:

- Chị vừa vào An Thái tháng trước.
- Thật sao chị?
- Chị dối em làm gì?
- Chị có gặp được anh Kiên không?
- Có.

Lãng vừa tò mò vừa lo lắng. Anh không biết nên hỏi thăm điều gì trước. An không chờ em đặt câu hỏi, nói tiếp:

– Anh ấy được tha, về mở am tại gò Miếu! Mở ngay ở cái miếu thờ ông bị bệnh phong đó. Em biết không, hôm ấy hai anh em có nhắc chuyện hồi nhỏ em dám một mình ra ngồi ở cái miếu đáng sợ đó. Còn chuyện này, bất ngờ hơn, đồ em biết chuyện gì?

- Chịu thôi!

– Anh Kiên được khấp Qui Nhơn xem là một bậc... bậc gì nhỉ?

– Bậc chân tu à?

– Còn hơn thế nữa. Người ta tôn anh ấy lên Đức Thầy. Em vào Qui Nhơn mà hỏi tên tục anh ấy ra, người ta sẽ giận lắm. Anh ấy có nhiều đệ tử, suốt ngày người ta lũ lượt đổ về gò Miếu để xin anh ấy ban bùa, cầu an, nói hậu vận. Chị là người nhà mà khi đến nơi cũng phải chờ gần suốt ngày mới được anh ấy tiếp.

Lãng không thể dần tò mò, chồm tới trước hỏi:

– Nhưng chị có thấy anh ấy khác xưa không? Em muốn nói anh ấy có gì có vẻ “Đức Thầy” không?

An nhớ cuộc gặp gỡ với anh cả, cười vui rồi nói:

– Dĩ nhiên anh ấy xứng đáng được tôn xưng là Đức Thầy. Đến chị mà còn cảm thấy sợ, không dám nhìn lâu lên khuôn mặt nghiêm của anh ấy. Phải chờ đến khi các đệ tử ra ngoài hết, chỉ còn hai anh em với nhau, anh ấy mới thực là anh cả chúng ta. À chị quên, “Đức Thầy” có hỏi thăm em.

– Thật à! Anh ấy nói gì?

– Anh ấy nhắn nếu em cũng sa cơ như chị, hãy về ở với anh ấy.

Lãng suy nghĩ một chút, rồi nói:

– Nếu chị về thì em về.

An quả quyết đáp:

– Chị không về.

– Tại sao thế?

An không muốn Lãng thất vọng về Kiên, chỉ đáp lửng lơ:

– Về đây nhìn lại cảnh cũ, chị buồn quá. Em biết không, cây gạo ngoài bến sông đã chết khô rồi!

Lãng bồi hồi khá lâu, lòng lâng lâng buồn. Hai chị em im lặng bên đèn. Lãng nghĩ An sợ không dám nhìn lại những dấu vết của một mối tình tuyệt vọng, liếc nhìn chị thương hại. An lấy que trúc khơi tim đèn, Lãng thấy que trúc hơi run.

Một lúc sau, An hỏi:

– Ngoài đó, em có đi thăm mộ anh Lợi giùm chị không?

Lãng nói quá cho vừa lòng chị:

– Có ạ. Lúc nào nhớ đến chị và các cháu, em lại lên mộ. Bây giờ gần đó, có lập thêm một trại lính nữa.

Giọng An trở nên chua chát:

– Người ta chưa sai san phẳng ngôi mộ để mở rộng trại lính à?

Lãng lại ngược nhìn chị, không đáp. Gió lốc nổi cơn xốc cả mái tranh, bụi rơi xuống khắp phòng. An ngồi im như không hay biết gì. Lãng không dám phủi những bụi tranh mục vướng trên tóc, sợ làm phiền An. An thở dài, rồi nói:

– Chị tưởng em được yên thân. Không ngờ... cuối cùng em cũng như chị. Chúng ta thành nạn nhân của “người ta” cả. Em bị xếp vào thứ dân lưu tán chứ gì?

– Tệ hơn nữa, chị ạ. Loại du thủ du thực!

An hấp tấp hỏi:

– “Ông ấy” để mặc cho cấp dưới xếp bậy bạ như thế ư?

Lãng ngơ ngác nhìn An, không hiểu nổi chị. Lãng đáp:

– Nhà vua không biết đâu.

– Chị cũng nghĩ thế. Chẳng lẽ...

An không nói tiếp. Lãng nói:

– Cấp dưới cứ căn cứ vào Chiếu Khuyến nông mà làm. Sau bao năm chinh chiến, ruộng vườn bỏ hoang, phải có người trở về quê khai khẩn lấy lúa mà ăn chứ!

An hỏi xằng:

– Thế em cho rằng “người ta” có lý ư?

Lãng đáp ngay:

– Vâng. Hoàn toàn có lý.

An tức giận hỏi:

– Em có điên không? Em không thấy thiên hạ dất dứu nhau từng đàn từng lũ, quần áo lếch thếch, đói khát, nheo nhóc, mỗi ngày đổ về đây mỗi nhiều hay sao? Em cũng bị xua đuổi y như họ. Chẳng lẽ em chạy trốn nhục nhã như vậy rồi vừa tìm được chỗ dừng chân, lấy lại hơi thở, em liền lớn tiếng ca tụng kẻ đã xua đuổi em hay sao?

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Nếu giải thích cho An nghe theo cách Lãng tự an ủi mình, rằng đây là một trường hợp ngoại lệ, ở bên lề công lý, rằng mình phải chịu đựng thua thiệt vì không thể đòi hỏi đời sống rướn cao lên cái tầm trù tượng, Lãng biết chắc An sẽ coi anh như một đứa nói khoát.

Thấy Lãng giữ im lặng, An tưởng Lãng đuối lý, liền tiếp:

– Chị không hiểu nổi anh em trong nhà nữa. Em cũng thế mà anh Kiên cũng thế. Anh cả chẳng biết gì ráo, nói hàng hai theo kiểu mấy ông lang vườn chữa bệnh bằng thuốc bổ, nhưng cứ để mặc cho thiên hạ một điều Đức Thầy, hai điều Đức Thầy. Còn em, em bị “người ta” vút vào giỏ rác, đuổi ra khỏi thành như một tên ăn cắp, mà vẫn khen “người ta” sáng suốt. Như thế mới gọi là đại trí hay sao?

Lãng vẫn không nói gì. An dụ giọng:

– Chị nghĩ sao nói vậy, em đừng giận. Thú thực chị không hiểu nổi em nữa.

Lãng buồn rầu đáp:

– Em cũng vậy!

– Thế là thế nào?

– Chị có nghĩ em là kẻ vô dụng không?

– “Người ta” dám nói thế à?

– Không.

– Chị chẳng hiểu gì cả.

Lãng muốn thoát khỏi ngõ cụt, hỏi làng chuyện khác:

– Chị nói chuyện với em chắc phát điên lên mất! Chị buồn ngủ chưa?

– Chưa. Em rung đôi chân, không lại muỗi.

Lúc đó bên ngoài có tiếng ời ời la làng. An lắc đầu chán nản:

– Em thấy chưa? Từ ngày người ta kéo nhau về đây, nạn trộm cướp, chém

giết nhau xảy ra hàng đêm. Sắp loạn mất!

Lãng nhớ câu chuyện trao đổi với cụ già bán khoai ở địa đầu Bến Ván, vội hỏi:

– Ở đây, người ta truyền nhau đủ thứ sấm phải không chị?

An bữu môi:

– Ồi, bọn chủ ghe chở gạo lên từ Gia Định ra bán đấy mà! Em nghe những gì?

– Mới vào đây đã nghe câu sấm người ta gán cho cụ Trạng Trình! Câu sấm thế này:

Khỉ bông con ngồi khóc

Gà hết thóc chạy xuôi

Chó vẫy đuôi mừng chủ

Heo nằm ngủ chờ ăn.

– Chị đã nghe câu ấy rồi. Em tin không?

– Tin gì ạ?

Giọng An trở nên gắt gỏng:

– Em chưa thấy cái giọng xỏ xiên của bọn tay chân Gia Định hay sao? Chúng nó đe năm Khỉ năm Gà thiên hạ đói chết như rạ. Đến năm Tuất thì nhà Nguyễn trở về. Năm Hợi thiên hạ lại no đủ.

Lãng thấy trong vẻ mặt giận dữ của chị có cái gì mâu thuẫn khác thường. Anh giả vờ đáp:

– Cảnh đời xáo trộn thế này, nên em tin.

– Tin sao được! Đến em mà cũng nhẹ dạ thế sao! Em...

An định nói: “Em muốn là chó vậy

đuôi mừng họ Nguyễn Gia Miêu trở về Phú Xuân hay sao”, nhưng chị kịp ngừng lại. Nói như vậy xúc phạm em quá nhiều. Lãng thích thú quan sát nét mặt chị, nói nhỏ:

– Em cũng không hiểu nổi chị, chị An ạ!

An đỏ mặt, sợ Lãng trông thấy sự bối rối của mình. An nói vội:

– Chúng mình thật lắm cảm. Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi. Cái chân còn nhức không?

Lãng vẫn mỉm cười, lắc đầu. An tránh nhìn mặt em, nói:

– Gần sáng gió lạnh lắm. Em nhớ đắp mền, không lại ho. Em vẫn yếu phổi từ hồi nhỏ, nhớ không!

Lăng ở với chị và các cháu hơn một tháng, rồi vì không chịu đựng nổi cảnh sống xô bồ ồn ào, anh bỏ Bến Ván về Phú Xuân khoảng trung tuần tháng mười.

An đem bản sao bài Chiếu Khuyến nông ra, vừa năn nỉ, vừa dọa em:

– Lăng thấy không, phép nước nghiêm lắm. Em đọc đi: “Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lần lữa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực thì sắc mực, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội”. Lại đoạn cuối này nữa: “Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội

lỗi”. Chao ơi! Em đâu phải thân lừa mà ưa vác nặng! ở đây chị và hai cháu đã làm gì cho em buồn? Nói đi!

An mếu máo sắp khóc. Lãng vội bảo:

– Chị đừng hiểu lầm. Chị không làm điều gì phật lòng em cả. Em cũng muốn ở lại dạy các cháu lắm, nhưng...

– Nhưng thế nào? Cứ nói đi, đừng ngại. Chị em ta có giấu nhau điều gì đâu. Từ lúc nhỏ đã vậy rồi!

Con Thái cũng mếu máo theo mẹ:

– Cậu ở lại với cháu. Cậu đừng bỏ đi. Mẹ cháu khóc kìa!

Lãng cảm động, ôm cháu vào lòng. An tưởng em đã xiêu lòng, reo lên:

– Có thể chứ! Em bằng lòng ở lại đây nhé!

Lãng nghiêm mặt đáp:

– Không được, chị ạ. Chị thương em, nhưng em phải đi thôi.

An bực bội hỏi:

– Lãng ra ngoài đó làm gì? Ra để đưa đầu vào gông à?

– Không ai đóng gông được em đâu! Em đã có cách.

– Cách gì?

Lãng chỉ ngay vào tờ giấy chép Chiếu Khuyến nông:

– Ngay bài chiếu này cũng không ràng buộc được em. Chị thấy không, ai không phải là chính hộ phải bị đuổi về bản quán. Nhưng bản quán của gia đình ta ở đâu? ở Phú Xuân chẳng? Nếu vậy em phải được biên tên vào sổ đình xã Võ Dạ

thượng. Ở An Thái chẳng? Có giải thủ tổng xuất em qua cầu Bến Ván đi! Cãi chầy cãi cối thế, nhưng bẻ được không phải dễ đâu!

– Nhưng em ra ngoài đó ở với ai? Ai chăm sóc cơm nước cho em? Ai lo thuốc thang nếu lỡ đau ốm? Em thích sống lâu bền như trước hay sao?

– Em sẽ về ở với sư cụ chùa Hà Trung.

An mỉm cười hỏi:

– Em muốn đi tu chẳng?

Lãng lại nghiêm mặt đáp:

– Không. Còn lâu lắm em mới đủ can đảm thí phát. Nói ra chị không tin: Lãng nhớ phong lan chùa Hà Trung hơn là nhớ thầy Từ Huệ.

Thấy cả chị lẫn cháu cười chế giễu, Lãng nói:

– Em hết sức nghiêm chỉnh về chuyện này. Chị cứ để cho em đi!

Nói hết lời, Lãng vẫn không khiến cho chị tin mình nghiêm chỉnh. An dỗi, từ lúc đó đến lúc chia tay, không nói với em câu nào nữa. An hy vọng Lãng sợ phải xin ở lại. Còn Lãng ngại rằng nếu làm lành với chị, chính mình sẽ yếu lòng. Cho nên cuộc chia biệt lặng lẽ, tưởng như giả vờ mà hóa thật.

Lãng về đến Phú Xuân đúng lúc cuộc kiểm tra dân ngụ ở các thôn xóm lên đến điểm gặt gao nhất. Không ai dám chứa chấp người lạ vào ban đêm, dù là bà con thân thuộc. Các chức dịch sợ bị liên lụy phải bỏ tiền ra thuê bọn trẻ con để chúng báo cho biết ngay những kẻ cư

ngụ bất hợp pháp. Những gia đình lảng giềng kình cãi nhau, ban đầu từ những chuyện vụn vặt như gà bưởi luống cải, heo ủ hàng giậu, về sau kết thúc bằng trò tố cáo nhau là dân ngụ cư nhập tịch chưa đủ ba đời, là kẻ man khai gốc tích để trốn tránh sưu dịch...

Lãng không dám ở Phú Xuân lâu. Anh đã trở thành dân lậu. An nói đúng. Quan trên có thể đóng gông anh bất cứ lúc nào. Một đứa trẻ con cũng đủ sức đưa anh vào tù. Lãng nằm lì ở chùa Hà Trung, nghe kinh Viên Giác và chăm sóc phong lan. Anh mê lan đến nỗi suốt ngày theo dõi tỉ mỉ từng chiếc lá đổi sắc, từng cánh hoa lan nở như bà mẹ nâng niu con mọn. Nghe ở đâu có loại lan hiếm Lãng liền tìm đến. Anh quên bằng việc học kinh. Sự cụ thờ dài, nói xa gần

đến lục căn, ngũ uẩn... để thức tỉnh anh. Lãng nghe qua với nét mặt ơ hờ. Dần dần, Lãng mất ý thức về những gì không liên hệ đến phong lan. Quần áo lại nhếch nhác, râu tóc để dài không chải gỡ. Một hôm có người tiểu phu (cũng võ vẽ học chơi lan) say rượu khoe rằng có gặp một giò lan hồ điệp khi đi tìm trầm trên núi Thiên thai. Lãng nghe được, mắt sáng lên.

Hôm sau, anh thưa với sư cụ là mình có việc cần lên núi Thiên thai. Sư cụ ngờ anh muốn tìm loại mặc lan hoa đen, bảo đó chỉ là huyền thuyết chưa chắc có thật. Anh giấu không muốn ai biết mình đi tìm lan hồ điệp. Anh bảo chỉ muốn hái vài giò nhất điểm hồng để thay cho giò lan cùng loại vừa bị héo.

Lãng đi từ sáng sớm, và từ đó, không ai còn gặp anh nữa. Vì vậy sư cụ chùa Hà Trung cho phá luôn mấy chục giò lan quý của mình.

Chương 101

Mấy năm về sau, việc sinh sống của gia đình An không được dễ dàng như trước. Số dân lưu tán dồn về Bến Ván quá đông, gạo thóc lên cao trong khi kiếm được vài quan tiền mỗi ngày không phải dễ dàng. Ngoài chợ, người bán nhiều hơn người mua. Bến Ván là một thị trấn thành hình trên cái bấp bênh của thời loạn, không có nền tảng vững chắc trên nông nghiệp hoặc sản xuất đồ thủ công, nên cuộc sống của nó cũng bấp bênh theo các tin đồn. Không ở đâu tin đồn nhảy và nhiều cho

bằng Bến Ván. Thôi thì đủ thứ tin. Tin từ Phú Xuân vào. Tin Qui Nhơn. Tin Gia Định do bọn ghe gạo lén lút mang vào cửa Hiệp Hòa. Giá cả lên xuống thất thường, phần lớn do những tin đồn nhảm. Người ta vui buồn, thương ghét nhau, thậm chí ẩu đả đâm chém nhau do những tin đồn ấy. Quán rượu ế hàng tuy từ sáng đến tối bọn vô công rồi nghề tụ họp đông nghịt để cãi nhau ỏm tỏi về những tin nghe được tối hôm trước. Mỗi người bênh hay chống một ý kiến tùy theo hoàn cảnh riêng. Nhiều khi chính từng người cũng thay đổi ý kiến tùy hứng. Nói chung cả cuộc sống thực tế lẫn cuộc sống tâm linh của Bến Ván đều bênh bồng phiêu giạt như một chiếc lá trôi trên dòng nước lũ.

An cứ thăm chừng số vốn ngày càng hao hụt của mình và lo ra. Chị gầy hẳn đi, nét mặt lúc nào cũng bồn thần lơ đãng

như người mất hồn. Cảnh làm ăn sa sút khiến không khí gia đình trở nên nặng trĩu. Chị đâm gắt gỏng với con cái, vui buồn thất thường. Con Thái quá thương và hiểu mẹ nên khóc thầm chịu đựng. Thằng Phát càng có cớ để vắng nhà, rồi từ đó An càng có cớ để gắt gỏng. Cái vòng lẩn quẩn khắc nghiệt ấy mỗi ngày mỗi ghê gớm, mẹ con gặp mặt nhau là sinh chuyện. Thời đó Phát đang ở vào cái tuổi tăng trưởng phức tạp. Thân thể cao lớn nhanh chóng, tiếng nói vỡ và trên mặt mụn nổi đầy hai gò má. Vì ngủ li bì nên mắt lơ đờ, tính tình cau có, lì lợm. Mỗi lần đi chơi khuya về, bị mẹ la, Phát không thềm đáp lời mẹ, lẳng lặng bỏ đi ngủ hoặc thản nhiên nhìn thẳng vào mặt An không hờ môi. Giận quá An vụt cho nó vài roi. Phát không né tránh, chờ mẹ đánh xong mới bỏ đi chỗ khác.

Điều An ghét nhất là gần đây, Phát thường đi lại với bọn buôn gạo từ Gia Định ra. Mỗi lần về nhà Phát đều có vài câu sấm hoặc vài mẩu tin Gia Định làm quà. Phát hí hửng báo cho mẹ hay tin Nguyễn Ánh đã trở lại lập hẳn một triều đình ở Gia Định, đã mua được nhiều tàu Tây Dương, đã lập hẳn một xưởng đóng chiến thuyền đồ sộ chạy dài trên ba dặm, từ Tân Bình đến bờ sông Bình Trị. Mắt Phát rực sáng khi nói:

– Phen này anh em nhà nó không có đất chôn. “Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về”. Mẹ đã nghe câu sấm đó chưa?

An bậm môi lại, cố nén giận:

– Mày hãy liệu cam cái mồm lại. Ai chết không đất chôn đâu không biết, tao sợ lại phải đi xin xác của mày về chôn thôi. Tao cấm không được giao du với

mấy tên bất hảo đó, nghe chưa?

Phát trố mắt nhìn mẹ, hỏi lại:

– Mẹ gọi họ là bọn bất hảo à? Mẹ sợ anh em nhà nó à? Ai giết cha, mẹ còn nhớ không?

An tắt tị không trả lời được. Lúc nào hai mẹ con tranh cãi nhau về thời thế, về hư thực của các tin đồn, Phát cũng “đàn áp” mẹ bằng câu hỏi ấy.

Mùa thu năm Nhâm Tí, Phát có thêm những tin xấu từ Qui Nhơn để chọc giận mẹ. Dân hai phủ Qui Nhơn, Quảng Ngãi đang hoang mang lo âu trước các tin đồn thổi về sức mạnh Gia Định. Nhiều người yếu bóng vía đã vượt sông Bến Ván ra núp dưới sự che chở của Phú Xuân. Dân số Bến Ván thêm đông. Phát đặc chí và An thêm cau có gắt gỏng.

Đúng lúc ấy, Phú Xuân ban ra bài hịch truyền cho quan lại quân dân các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn. Bài hịch như sau: (dịch nôm)

“Tất cả các người, lớn nhỏ, từ hơn hai chục năm nay, đều luôn luôn chịu ân đức của nhà Tây Sơn ta. Sự thật, trong mấy chục năm qua, Trẫm đã chiến thắng khắp cả trong nam ngoài bắc. Trẫm nhận rằng có được những chiến thắng ấy chính là nhờ có sự phù trợ hết lòng của nhân dân hai phủ. Hai phủ cũng đã tiến cử lên Trẫm nhiều người trung dũng, hiền tài để giúp rập triều đình. Trẫm đem quân tới đâu, quân thù đều phải thất bại hoặc tan rã. Trẫm mở rộng chiến trận đến đâu, quân Xiêm và quân Thanh tàn bạo đều phải khuất phục.

Còn bọn dư đảng bỉ ổi của cựu triều, thì từ hơn ba chục năm nay, Trẫm chưa

từng thấy chúng làm nổi trò trống gì. Trẫm đã đánh chúng hằng trăm trận, sĩ tốt của chúng phải tan tác, tướng lĩnh của chúng phải bỏ mạng, xương tàn của chúng tràn đầy đất Gia Định. Những điều Trẫm nói đây các người đều biết rõ, nếu mắt các người chưa được trông thấy thì tai các người cũng đã từng nghe thấy. Như tên Chủng dê hèn kia đã lẫn trốn sang những nước tầm thường ở phương tây thì có gì là đáng kể. Còn như đám dân ươn hèn Gia Định nay dám ngóc đầu dậy mộ binh, tại sao các người sợ hãi chúng như vậy? Tại sao tinh thần các người khiếp đảm đến thế? Quân thủy bộ của chúng tới đánh chiếm các hải cảng của các người như thế nào, các người không cảnh giác như thế nào, Hoàng đại huynh đã có thư cho Trẫm rõ cả rồi. Trẫm thấy sở dĩ chúng đánh chiếm được đất và giữ được đất các người cho tới ngày nay, không phải vì chúng tài giỏi gì,

mà chính vì các quan quân và dân chúng hai phủ đã không dám đánh nhau với chúng. Bộ binh của các người đã hèn nhát bỏ trốn.

Bây giờ theo lệnh Hoàng đại huynh, Trẫm sẽ thân chinh cầm đại quân theo hai đường thủy bộ vào dẹp giặc. Trẫm sẽ đập tan bọn giặc cứu Nguyễn dễ dàng như đập tan một cành củi khô, một thanh gỗ mục. Còn nhân dân hai phủ, các người đừng lo âu, đừng sợ giặc. Các người hãy để mắt nhìn, để tai nghe, xem Trẫm sẽ làm gì. Các người sẽ thấy Trẫm chỉ đánh một trận là Bình Khang, Nha Trang, những mảnh xương tàn của cái thầy ma Gia Định, cũng như Phú Yên từng là trung tâm chiến trường và suốt một dải từ Bình Thuận vào tới Chân Lạp sẽ tức khắc được thu phục. Như thế để ai nấy hiểu rõ rằng Trẫm và Hoàng đại huynh là hai anh em

ruột, là cùng chung một dòng máu. Trẫm không bao giờ quên điều đó.

Trẫm kêu gọi nhân dân lớn nhỏ hai phủ hãy ủng hộ hoàng gia, trung thành với Hoàng đại huynh, chờ đợi quân ta vào quét sạch Gia Định, lấy lại đất về ta. Tiếng thơm hai phủ các người sẽ mãi mãi lưu truyền sử sách. Các người chớ quá nhẹ dạ cả nghe những lời phao đồn về bọn Tây Dương. Tài giỏi gì hạng người đó? Mắt chúng là mắt xanh, chúng chỉ là những xác chết trôi từ miền bắc giạt về đây, các người nên hiểu như thế. Những tàu bằng đồng, những khinh khí cầu của chúng thì có gì là kỳ lạ mà phải đệ trình lên Trẫm biết!

Để cho đại quân của ta tiến vào được dễ dàng, các xã dân hai phủ ở dọc bên đường hành quân hãy kịp sửa sang cầu cống.

Lệnh này truyền tới, nhân dân hãy vâng theo ý Trẫm.

Khâm thủ.

Quang Trung năm thứ năm ngày 10 tháng 7 Nhâm tí”.

Bài hịch vừa loan truyền thì Bến Ván rúng động. Người ta dẹp cả buôn bán làm ăn, khép cửa nhà lại, đổ ra đường tùm nầm tùm ba bàn tán nhau. Nét mặt ai nấy đều dáo dác lo âu. Kể cho rằng vua Quang Trung thực tâm vâng lệnh Hoàng huynh, sắp kéo đại quân qua đây để tiêu diệt bọn cừu Nguyễn trong Gia Định. Kể lại ngờ Phú Xuân lợi dụng sự hoang mang sợ hãi của dân hai phủ, vin cơ cứu viện để xua quân đánh chiếm Hoàng đế thành. Trước đây vua Quang Trung không từng làm việc ấy hay sao? Dù hiểu bằng cách nào, mọi người đều thấy trước

tương lai đen tối mờ mịt của mình: một khi Bến Ván hết thành vùng trái độn do tương nhượng hoặc tránh né giữa Phú Xuân và Qui Nhơn, nhất định dải đất vô chính phủ này mau chóng trở lại thành vùng đất chết với những cồn cát trắng và bụi cây cằn. Bão cát sắp vùi lấp những nền nhà trống, những cột kèo tre mây vương vãi...

Bến Ván lịm đi vì sợ hãi. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Chờ đợi...

Họ theo dõi động tĩnh ở phía bắc. Quả nhiên khoảng đầu tháng 8 Nhâm tí, đạo quân Phú Xuân lâu nay đóng ở chợ Cầu Ông Bộ đột ngột dỡ trại tiến sâu vào Bến Ván. Quân đi rầm rập, giáo mác tua tủa, nhưng đến ranh giới thì dừng lại. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không ai được qua lại ranh giới. Ai vi phạm lệnh cấm sẽ bị chém tại chỗ.

Hôm sau, Bến Ván biết tin vua Quang Trung vừa băng hà hôm 29 tháng 7, và đạo quân Phú Xuân vừa từ chợ Cầu Ông Bộ vào đây có phận sự đề phòng chặn trước các ý đồ xấu của Qui Nhơn.

Vua Thái Đức định ra Phú Xuân dự đám táng vua Quang Trung đã bị chặn lại, tại đây!

*

An cũng nhận được tin Lãng mất tích trong những ngày nồm nớp bi thảm ấy. Chị vội vã ra Phú Xuân. Kinh đô xao xác tiêu điều như vừa qua một trận bão. Ở các trạm kiểm soát, quân lính canh phòng nghiêm ngặt. Dân chúng lo sợ các bắt trắc nên ít đi lại ngoài đường. Chị không có trách nhiệm gì trong kinh

thành tang tóc này. Không có lấy một tờ giấy nhỏ chứng minh chị đủ tư cách đi lại trong một kinh đô giới nghiêm. Nhưng nét mặt bơ phờ của chị, dáng đi lảo lũi của chị, nhất là cái nhìn lơ lảo thất thần của chị đủ sức làm mềm lòng những kẻ cứng cỏi nhất. Người ta có cảm tưởng đang đứng trước một đứa bé yếu đuối, khốn khổ. Không nỡ lớn tiếng hoặc làm bất cứ điều gì có thể khiến nó khốn khổ thêm. Người ta lễ phép nhường bước cho chị đi trước. Người ta không biết chị là ai, nhưng vì chị biểu lộ được một cách chính xác trọn vẹn nỗi đau khổ chung, nên chị trở nên thân thuộc.

An không thể đến gần những nơi lễ tang chính thức. Quá lắm chị chỉ nhìn được lưng áo của những lính cấm vệ giữ an ninh cho lễ tang. Hôm di quan lên sơn lăng, chị ở trong đám dân chúng nghèo

khổ tự nguyện nổi đuôi đám táng để tỏ lòng ái mộ và thương tiếc vị anh hùng dân tộc xuất thân áo vải như họ, người mang đến cho họ niềm tự tín và hy vọng, người dạy họ hãy ngừng cao đầu, mạnh dạn bước tới.

An cũng lâm lâm cầu khẩn như họ. Chỉ khác một điều là những gì chị thì thầm đều có tính cách riêng tư và rối rắm khó hiểu. Chị thầm nhắc lại một trận bão rừng, chuyện hiểu lầm chung quanh cây gạo, tập thơ Đỗ Phủ, đêm ngập ngừng bảo nhỏ: “Đừng, anh Huệ ạ!”... Chị đặt nhiều câu hỏi mà không cần đáp, càng hỏi càng xót xa, cảm thấy lẻ loi. Chị oán trách mà như sợ phật lòng người nghe, vừa thầm hờn dỗi đã hối hận, nhận lãnh hết phần lỗi về mình. Quanh chị người ta thờ dài, người ta thì thảo. Chị không

nghe gì cả. Chị sống và chết riêng lẻ trong thế giới của chị!

Sau đám tang, An xuống chùa Hà Trung tìm tông tích Lãng. Sư cụ đã viên tịch trước đó nửa năm. An chỉ được biết những truyền tụng mù mờ về cậu em mê lan. Sư bác thay thầy Từ Huệ lên trụ trì ngôi chùa trở cho An thấy đỉnh núi Thiên Thai. An về lại Phú Xuân thăm mộ chồng, rồi tắt tả vào Bến Ván.

✱

Thằng Phát thấy An về, hằm hằm hỏi:

– Mẹ ra đưa tang phải không?

An nhìn con, không đáp. Phát vùng vằng bỏ đi. Cánh cửa đập mạnh vào khuôn gỗ. Trong căn nhà đột nhiên ngả tối, con bé Thái chạy đến ôm lấy mẹ,

khóc mùi mẫn. An cũng khóc theo con.
Thái dụi mắt vào áo mẹ, thì thào:

– Ở trong này con lo quá!

An ôm con chặt hơn. Chị hỏi:

– Anh Phát có chịu trông nhà với con không?

Thái vẫn còn thút thít:

– Anh ấy nằm lì ở nhà, không đi đâu cả. Con cứ sợ anh ấy gây lộn với mấy chú lính. Mẹ, con khổ quá, mẹ ơi!

Thái lại khóc. An ngạc nhiên hỏi:

– Phát nó ăn hiếp con, phải không?

– Không phải đâu mẹ. Nhưng...

– Tại sao con ngập ngừng vậy?

– Nhưng... con sợ quá. Tự nhiên tối hôm kia, con bị ra máu. Con... con chết

điếng... Mẹ lại không có ở đây. Con bị bệnh gì vậy mẹ?

An giật mình, đẩy con ra xa. Thái càng sợ hãi hơn. An nhìn chăm chăm vào mặt con. Chị hiểu ra rồi. Sao đến bây giờ chị mới nhớ con gái đã lên mười bốn, và có kinh nguyệt lần đầu? Đáng lý An phải báo trước cho con, để Thái khỏi sợ hãi vô ích. Chị ôm Thái vào lòng, vỗ nhẹ lưng con, âu yếm nói:

– Con đừng sợ. Không phải bệnh tật gì đâu. Con gái vào tuổi dậy thì là có kinh nguyệt. Hồi trước mẹ cũng sợ hãi như con. Mẹ có kinh đúng hôm bà ngoại mất, nên mẹ khóc đến hết nước mắt vì sợ. Bây giờ con gái mẹ lại có kinh. Nhưng con ơi, con còn có mẹ đây. Hãy chùi nước mắt đi! Thái ngoan của mẹ!

Hết

